

## PHƯƠNG ÁN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2026

Năm 2026, Trường Đại học Tôn Đức Thắng (TDTU) tuyển sinh 51 ngành chương trình tiêu chuẩn, 20 ngành chương trình tiên tiến, 11 ngành chương trình đại học bằng tiếng Anh, 10 ngành chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh, 16 ngành chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa, 15 ngành chương trình liên kết đào tạo quốc tế, 13 ngành chương trình dự bị liên kết đào tạo quốc tế theo các phương thức xét tuyển:

**Phương thức 1:** xét tuyển tổng hợp theo năng lực của thí sinh dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT 2026, quá trình học tập và các năng lực khác;

**Phương thức 2:** xét tuyển theo kết quả bài thi đánh giá năng lực năm 2026 của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh;

**Phương thức 3:** xét tuyển thẳng theo Quy chế của Bộ GDĐT.

Danh mục ngành tuyển sinh đại học chính quy năm 2026 (*Phụ lục 1*)

Đặc biệt, TDTU triển khai chương trình đào tạo tài năng các ngành lĩnh vực STEM và các ngành mũi nhọn. Tân sinh viên năm 2026 được đăng ký xét học bổng và tham gia Chương trình đào tạo tài năng của TDTU.

### 1. Phương án tuyển sinh năm 2026

#### 1.1. Phương thức 1: xét tuyển tổng hợp

a. Đối tượng: thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

- Đối tượng 1.1: thí sinh đang là học sinh lớp 12 bậc THPT và tốt nghiệp THPT năm 2026 xét tuyển vào các chương trình tiêu chuẩn, tiên tiến, đại học bằng tiếng Anh, dự bị đại học bằng tiếng Anh, Phân hiệu Khánh Hòa.

- Đối tượng 1.2: thí sinh tốt nghiệp THPT trước năm 2026, thí sinh đang học các chương trình khác chương trình THPT xét tuyển vào các chương trình tiêu chuẩn, tiên tiến, đại học bằng tiếng Anh, dự bị đại học bằng tiếng Anh, Phân hiệu Khánh Hòa.

- Đối tượng 1.3: thí sinh tốt nghiệp THPT từ năm 2022 đến năm 2026 có các chứng chỉ quốc tế SAT, ACT xét tuyển vào chương trình đại học bằng tiếng Anh, dự bị đại học bằng tiếng Anh.

- Đối tượng 1.4: thí sinh có bằng tốt nghiệp THPT của nước ngoài từ năm 2022 đến năm 2026 được công nhận tương đương tốt nghiệp THPT của Việt Nam xét tuyển vào chương trình đại học bằng tiếng Anh, dự bị đại học bằng tiếng Anh.

- Đối tượng 1.5: thí sinh tốt nghiệp từ năm 2022 đến năm 2026 xét tuyển vào chương trình liên kết đào tạo quốc tế, dự bị liên kết đào tạo quốc tế.

**b. Phạm vi xét tuyển:** tất cả các ngành, chương trình đại học chính quy.

### **c. Điều kiện xét tuyển**

- Thí sinh phải đạt yêu cầu nguồn xét tuyển theo quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT và đạt ngưỡng đảm bảo đầu vào do Trường Đại học Tôn Đức Thắng công bố theo từng ngành, từng chương trình.

- Danh mục tổ hợp xét tuyển và yêu cầu ngưỡng đảm bảo đầu vào theo phương thức 1 được quy định tại phụ lục 2.

- Thí sinh xét tuyển theo tổ hợp có môn năng khiếu (ngành Thiết kế đồ họa, Thiết kế nội thất, Thiết kế thời trang, Nghệ thuật số, Kiến trúc, Kiến trúc đô thị, Quản lý thể dục thể thao, Quy hoạch vùng và đô thị) phải đăng ký dự thi môn năng khiếu do TDTU tổ chức tại <https://thinangkhiieu.tdtu.edu.vn>. Thí sinh có thể dự thi cả 3 đợt thi năng khiếu để dùng điểm cao nhất của 3 đợt thi xét tuyển. TDTU không nhận kết quả thi năng khiếu của trường khác để xét tuyển.

- Thí sinh xét tuyển vào chương trình đại học bằng tiếng Anh, chương trình liên kết đào tạo quốc tế (LKQT) đăng ký nộp chứng chỉ tiếng Anh theo quy định về TDTU để xét điều kiện tiếng Anh của chương trình tại <https://xettuyen.tdtu.edu.vn>

- Thí sinh sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ (tiếng Anh, tiếng Trung) quy đổi thành điểm môn ngoại ngữ (thay thế điểm thi THPT môn ngoại ngữ) để xét tuyển đăng ký nộp chứng chỉ tiếng Anh theo quy định về TDTU tại <https://xettuyen.tdtu.edu.vn>.

- Bảng quy đổi kết quả chứng chỉ ngoại ngữ được quy định tại phụ lục 4

- Thí sinh thuộc Đối tượng 1.5 tốt nghiệp THPT trước năm 2026 nếu không có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 phải tham dự bài phỏng vấn của chương trình liên kết đào tạo quốc tế để xét tuyển. Thí sinh đăng ký tham dự bài phỏng vấn chương trình liên kết đào tạo quốc tế tại <https://international.tdtu.edu.vn/dang-ky>.

### **d. Công thức tính điểm**

Điểm xét tuyển (thang 100) = Điểm năng lực + Điểm cộng + Điểm ưu tiên

Điểm xét tuyển theo thang điểm 100, làm tròn đến 02 chữ số thập phân. Nếu điểm xét tuyển của thí sinh lớn hơn 100 điểm thì thí sinh được hưởng điểm tối đa là 100 điểm.

- Điểm cộng = Điểm thưởng + Điểm xét thưởng

+ Điểm cộng được tính theo thang điểm 100 và tối đa được 10 điểm. Nếu điểm cộng của thí sinh lớn hơn 10 điểm thì thí sinh được hưởng điểm tối đa là 10 điểm.

+ Điểm thưởng: dành cho các đối tượng thí sinh được xét tuyển thẳng nhưng không sử dụng quyền xét tuyển thẳng theo quy định tại phụ lục 6

+ Điểm xét thưởng: dành cho các đối tượng thí sinh có thành tích hoặc có năng khiếu đặc biệt được quy định tại phụ lục 7

+ Danh mục chia môn/lĩnh vực theo ngành cộng điểm quy định tại phụ lục 8

- Điểm ưu tiên (theo quy định của Bộ GDĐT) = Điểm ưu tiên khu vực + Điểm ưu tiên đối tượng.

+ Thí sinh có (Điểm năng lực + Điểm cộng) < 75 điểm: Điểm ưu tiên = Điểm ưu tiên khu vực + Điểm ưu tiên đối tượng.

+ Thí sinh có (Điểm năng lực + Điểm cộng) ≥ 75 điểm: Điểm ưu tiên = [(100 – Điểm năng lực - Điểm cộng)/25] x (Điểm ưu tiên khu vực + Điểm ưu tiên đối tượng)

+ Danh mục điểm ưu tiên quy đổi được quy định tại phụ lục 5

- Điểm năng lực: Điểm năng lực theo thang điểm 100; được tính theo Điểm năng lực THPT (điểm thi THPT) và Điểm quá trình THPT

*Trong đó, điểm năng lực THPT tính theo tổ hợp 3 môn thi tốt nghiệp THPT năm 2026 (hoặc tương đương tùy theo đối tượng). Điểm quá trình THPT được tính theo điểm trung bình 6HK của tổ hợp 3 môn lớp 10, 11, 12 (hoặc tương đương theo đối tượng)*

Điểm năng lực được quy định chi tiết cho từng đối tượng như sau:

#### **+ Đối tượng 1.1**

**Điểm năng lực = Điểm năng lực THPT\*75% + Điểm quá trình THPT\*25%**

**Điểm năng lực THPT = (Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm môn 3\*2)\*2.5**

**Điểm quá trình THPT = (Điểm TB 6HK môn 1 + Điểm TB 6HK môn 2 + Điểm TB 6HK môn 3\*2)\*2.5**

#### **+ Đối tượng 1.2**

**Điểm năng lực = Điểm năng lực THPT\*75% + Điểm quá trình THPT\*25%**

**Điểm năng lực THPT = (Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm môn 3\*2)\*2.5**

**Điểm quá trình THPT = Điểm năng lực THPT**

#### **+ Đối tượng 1.3**

**Điểm năng lực = Điểm năng lực THPT\*75% + Điểm quá trình THPT\*25%**

**Điểm năng lực THPT = Tổng điểm SAT/16 hoặc Tổng điểm ACT\*25/9**

**Điểm quá trình THPT = (Điểm TB 6HK môn 1 + Điểm TB 6HK môn 2 + Điểm TB 6HK môn 3\*2)\*2.5**

*Thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài, điểm quá trình THPT được xét tương đương theo tổ hợp môn.*

#### **+ Đối tượng 1.4**

**Điểm năng lực = Điểm năng lực THPT\*75% + Điểm quá trình THPT\*25%**

**Điểm năng lực THPT = Điểm quá trình THPT**

**Điểm quá trình THPT = (Điểm TB 6HK môn 1 + Điểm TB 6HK môn 2 + Điểm TB 6HK môn 3\*2)\*2.5**

*Điểm quá trình THPT được xét tương đương theo tổ hợp môn.*

#### **+ Đối tượng 1.5**

**Điểm năng lực = Điểm năng lực THPT\*50% + Điểm quá trình THPT\*50%**

Điểm năng lực THPT được tính theo một trong các phương án dưới đây và sử dụng điểm năng lực cao nhất để xét tuyển:

**Điểm thi tốt nghiệp THPT 2026: Điểm năng lực THPT = (Điểm thi THPT môn 1 + Điểm thi THPT môn 2 + Điểm thi THPT môn 3\*2)\*2.5**

**Điểm bài phỏng vấn: Điểm năng lực THPT = Điểm phỏng vấn**

**Chứng chỉ ACT, SAT: Điểm năng lực THPT = Tổng điểm SAT/16 hoặc Tổng điểm ACT\*25/9**

**Kết quả học tập THPT nước ngoài: Điểm năng lực THPT = Điểm quá trình THPT**

**Điểm quá trình THPT = (Điểm TB 6HK môn 1 + Điểm TB 6HK môn 2 + Điểm TB 6HK môn 3\*2)\*2.5**

### **1.2. Phương thức 2: xét tuyển theo kết quả bài thi đánh giá năng lực năm 2026 của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh**

**a. Đối tượng:** Thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương có kết quả bài thi đánh giá năng lực (ĐGNL) năm 2026 của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

**b. Phạm vi xét tuyển:** tất cả các ngành, chương trình đại học chính quy.

#### **c. Điều kiện xét tuyển**

- Thí sinh phải đạt yêu cầu nguồn xét tuyển theo quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT và đạt ngưỡng đảm bảo đầu vào do Trường Đại học Tôn Đức Thắng công bố theo từng ngành, từng chương trình.

- Danh mục ngành, điều kiện xét tuyển theo phương thức 2 được quy định tại phụ lục 3

- Thí sinh xét tuyển vào các ngành Thiết kế đồ họa, Thiết kế nội thất, Thiết kế thời trang, Nghệ thuật số, Kiến trúc, Kiến trúc đô thị phải đăng ký dự thi môn năng khiếu do TDTU tổ chức tại <https://thinangkhieu.tdtu.edu.vn>. Thí sinh có thể dự thi cả 3 đợt thi năng khiếu để dùng điểm cao nhất của 3 đợt thi xét tuyển. TDTU không nhận kết quả thi năng khiếu của trường khác để xét tuyển.

- Thí sinh xét tuyển vào chương trình đại học bằng tiếng Anh, chương trình liên kết đào tạo quốc tế đăng ký nộp chứng chỉ tiếng Anh theo quy định tại phụ lục 4 về TDTU để xét điều kiện tiếng Anh của chương trình tại <https://xettuyen.tdtu.edu.vn>

- Thí sinh có thể dự thi nhiều đợt thi đánh giá năng lực để dùng kết quả cao nhất xét tuyển.

#### **d. Công thức tính điểm**

**Điểm xét tuyển (thang điểm 1200) = Tổng điểm bài thi ĐGNL + Điểm ưu tiên**

Điểm xét tuyển được làm tròn đến hai chữ số thập phân

**Điểm ưu tiên = Điểm ưu tiên khu vực + Điểm ưu tiên đối tượng**

Nếu tổng điểm bài thi ĐGNL từ 900 trở lên thì điểm ưu tiên được xác định theo công thức sau:

**Điểm ưu tiên =  $[(1200 - \text{Tổng điểm bài thi ĐGNL})/300] \times (\text{Điểm ưu tiên khu vực} + \text{Điểm ưu tiên đối tượng})$**

Danh mục điểm ưu tiên quy đổi được quy định tại phụ lục 5

#### **1.3. Phương thức 3: xét tuyển thẳng theo Quy chế của Bộ GDĐT**

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học của Bộ GDĐT. Xem thông báo xét tuyển thẳng tại trang <https://admission.tdtu.edu.vn>

#### **1.4. Cách thức đăng ký xét tuyển phương thức 1 và phương thức 2**

- Bước 1: Thí sinh đăng ký nộp chứng chỉ ngoại ngữ, hồ sơ minh chứng hưởng điểm cộng trên trang của TDTU <https://xettuyen.tdtu.edu.vn>. Thí sinh xét tuyển theo chứng chỉ SAT/ACT hoặc có bằng tốt nghiệp THPT của nước ngoài nộp hồ sơ xét tuyển về TDTU.

- Bước 2: Thí sinh đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên hệ thống của Bộ GDĐT.

- Bước 3: Thí sinh thanh toán lệ phí xét tuyển trên hệ thống Bộ GDĐT.

#### **1.5. Các mốc thời gian xét tuyển phương thức 1 và phương thức 2**

- Từ ngày 05/5 – 14/7/2026, Thí sinh đăng ký nộp chứng chỉ ngoại ngữ, hồ sơ minh chứng hưởng điểm cộng trên trang của TDTU <https://xettuyen.tdtu.edu.vn>. Thí sinh xét tuyển theo chứng chỉ SAT/ACT hoặc có bằng tốt nghiệp THPT của nước ngoài nộp.

- Từ ngày 01/5 – 20/5/2026, thí sinh đã tốt nghiệp THPT chưa có tài khoản đăng ký xét tuyển trên hệ thống Bộ GDĐT liên hệ Sở GDĐT để được cấp tài khoản bổ sung.
- Trước 17g00 ngày 10/7/2026 (dự kiến), công bố mức điểm nhận hồ sơ xét tuyển (ngưỡng đảm bảo đầu vào)
- Từ ngày 02/7 – 17g00 ngày 14/7/2026 (dự kiến), thí sinh đăng ký, điều chỉnh nguyện vọng xét tuyển tất cả các phương thức trên hệ thống của Bộ GDĐT.
- Từ ngày 15/7 – 17g00 ngày 21/7/2026, thí sinh thanh toán lệ phí xét tuyển trên hệ thống của Bộ GDĐT.
- 17g00 ngày 13/8/2026 (dự kiến), công bố kết quả trúng tuyển.
- Trước 17g00 ngày 21/8/2026 (dự kiến), thí sinh xác nhận nhập học trực tuyến trên hệ thống của Bộ GDĐT.
- 15/8 – 22/8/2026 (dự kiến, trừ ngày 16/8/2026), thí sinh đã xác nhận nhập học trên hệ thống Bộ GDĐT làm thủ tục nhập học tại TDTU.

Lưu ý: Các mốc thời gian tuyển sinh năm 2026 sẽ được TDTU cập nhật theo hướng dẫn của Bộ GDĐT và theo thông báo tuyển sinh chính thức của TDTU tại trang <https://admission.tdtu.edu.vn>.

## **2. Các thông tin lưu ý tuyển sinh 2026**

### **2.1. Bài thi phỏng vấn chương trình liên kết đào tạo quốc tế**

- Bài phỏng vấn Chương trình liên kết đào tạo quốc tế (LKQT) tính theo thang điểm 100.
- Thí sinh đăng ký phỏng vấn để xét học bổng chương trình LKQT (nếu có) và để tính điểm năng lực dành cho đối tượng 1.5 khi xét tuyển.
- Thí sinh đăng ký tham dự bài phỏng vấn chương trình liên kết đào tạo quốc tế tại <https://international.tdtu.edu.vn/dang-ky> từ ngày 15/3/2026

### **2.2. Điều kiện tiếng Anh cho chương trình đại học bằng tiếng Anh, chương trình liên kết đào tạo quốc tế**

- Thí sinh xét vào chương trình đại học tiếng Anh phải có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương IELTS 5.0 trở lên; thí sinh xét vào chương trình liên kết đào tạo quốc tế (trừ ngành Ngôn ngữ Trung Quốc) phải có chứng chỉ tiếng Anh trình độ B2 (tương đương IELTS 5.5) trở lên. Các chứng chỉ có giá trị từ ngày 01/10/2024 và còn giá trị đến ngày 01/10/2026. Thí sinh không nộp chứng chỉ tiếng Anh theo quy định sẽ không đủ điều kiện xét tuyển. Thí sinh có quốc tịch và tốt nghiệp THPT tại các quốc gia tiếng Anh bản ngữ không yêu cầu chứng chỉ tiếng Anh đầu vào.

- Thí sinh không có chứng chỉ tiếng Anh theo quy định có thể đăng ký xét tuyển vào chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh, chương trình dự bị liên kết đào tạo quốc tế. Trong 01 năm học, thí sinh phải nộp chứng chỉ tiếng Anh theo quy định để chuyển vào chương trình chính thức. Sau 01 năm học, thí sinh không nộp chứng chỉ tiếng Anh theo quy định sẽ bị dừng học.

- Bảng danh mục chứng chỉ ngoại ngữ được quy định tại phụ lục 4

### 2.3. Thi năng khiếu

- Thí sinh xét tuyển vào các ngành năng khiếu (Thiết kế đồ họa, Thiết kế thời trang, Thiết kế nội thất, Nghệ thuật số) hoặc các tổ hợp xét tuyển có môn thi năng khiếu của ngành như Kiến trúc, Kiến trúc đô thị, Quản lý thể dục thể thao, Quy hoạch vùng và đô thị phải dự thi năng khiếu do TDTU tổ chức. Nhà trường không sử dụng kết quả thi năng khiếu của trường khác để xét tuyển.

- Năm 2026, TDTU tổ chức 3 đợt thi năng khiếu:

Đợt thi	Ngày đăng ký	Ngày thi	Môn thi	Địa điểm thi
Đợt 1	01/02- 26/4/2026	09- 10/5/2026	- Vẽ Hình họa mỹ thuật- Vẽ Trang trí màu- Năng khiếu Thể dục thể thao	Trường Đại học Tôn Đức Thắng, Số 19 Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Hưng, TP. Hồ Chí Minh
Đợt 2	01/02- 04/5/2026	16- 17/5/2026	- Vẽ Hình họa mỹ thuật- Vẽ Trang trí màu- Năng khiếu Thể dục thể thao	Phân hiệu Trường Đại học Tôn Đức Thắng tại tỉnh Khánh Hòa, Số 22 Nguyễn Đình Chiểu, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Đợt 3	01/02- 31/5/2026	14- 15/6/2026	- Vẽ Hình họa mỹ thuật- Vẽ Trang trí màu- Năng khiếu Thể dục thể thao	Trường Đại học Tôn Đức Thắng, Số 19 Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Hưng, TP. Hồ Chí Minh

Lưu ý:

- Thời gian các đợt thi có thể thay đổi tùy theo kế hoạch của Bộ GDĐT. Thí sinh xem chi tiết trong thông báo tổ chức thi năng khiếu năm 2026 trên Cổng thông tin tuyển sinh của Trường.

- Thí sinh có thể dự thi nhiều đợt và lấy điểm cao nhất để xét tuyển.

- Môn Vẽ hình họa mỹ thuật (*Vẽ đầu tượng, Vẽ tĩnh vật*): vẽ trên giấy A3 bằng chất liệu bút chì, thời gian thi 240 phút, chọn lựa 1 trong 2 bài thi Vẽ tĩnh vật (*với chủ đề từ những đồ vật quen thuộc trong cuộc sống*) hoặc Vẽ đầu tượng.

- Môn Vẽ trang trí màu: vẽ trên giấy A3 bằng chất liệu màu bột hoặc màu nước, thời gian thi 240 phút.

- Môn Năng khiếu Thể dục thể thao: kiểm tra hình thái, bật xa tại chỗ, chạy 30m xuất phát cao, lực bóp tay.

- Thí sinh đăng ký dự thi trên hệ thống <https://thinangkhieu.tdtu.edu.vn>.

## **2.4. Học phí – học bổng**

a. Học phí: Thí sinh tham khảo chi tiết thông tin chính sách học phí đại học chính quy năm 2026 tại đây.

### **b. Học bổng:**

- Năm 2026, Trường Đại học Tôn Đức Thắng dành hơn 95 tỷ đồng để cấp học bổng đa dạng cho người học.

- Điểm xét học bổng được tính theo tổ hợp gốc của phương thức 1 không bao gồm điểm ưu tiên và điểm cộng. Thí sinh trúng tuyển theo các tổ hợp khác tổ hợp gốc của phương thức 1 và phương thức 2, điểm xét học bổng được quy đổi tương đương về tổ hợp gốc của phương thức 1 theo quy tắc quy đổi tương đương do TDTU công bố.

- TDTU triển khai Chương trình đào tạo tài năng thuộc các lĩnh vực STEM và các ngành mũi nhọn. Nhà trường cấp học bổng cho sinh viên đủ điều kiện tham gia chương trình tài năng của TDTU (xem chi tiết chương trình đào tạo tài năng tại <https://admission.tdtu.edu.vn>)

- Thí sinh tham khảo chi tiết thông tin chính sách học phí - học bổng năm 2026 tại đây.



**PHỤ LỤC 1 - DANH MỤC NGÀNH TUYỂN SINH  
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2026**

STT	Mã ngành	Tên ngành	Ghi chú
<b>CHƯƠNG TRÌNH TIÊU CHUẨN</b>			
1	7220201	Ngôn ngữ Anh	
2	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	
3	7810101	Du lịch (Chuyên ngành Quản lý du lịch)	
4	7810101H	Du lịch (Chuyên ngành Hướng dẫn du lịch)	
5	7310301	Xã hội học	
6	7760101	Công tác xã hội	
7	7310206	Quan hệ quốc tế	<i>Ngành mới</i>
8	7340101	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành Quản trị nhà hàng - khách sạn)	
9	7340101C	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành Quản trị chuỗi cung ứng)	
10	7340404	Quản trị nhân lực	<i>Ngành mới</i>
11	7340115	Marketing	
12	7340120	Kinh doanh quốc tế	
13	7340408	Quan hệ lao động (Chuyên ngành Quản lý quan hệ lao động, Chuyên ngành Hành vi tổ chức)	
14	7340201	Tài chính - Ngân hàng	
15	7340201Q	Tài chính - Ngân hàng (Chuyên ngành Tài chính quốc tế)	
16	7340205	Công nghệ tài chính	<i>Ngành mới</i>
17	7340301	Kế toán	
18	7340302	Kiểm toán (Chuyên ngành Kiểm toán và Phân tích dữ liệu)	
19	7380101	Luật	
20	7720201	Dược học	
21	7420204	Khoa học y sinh	<i>Ngành mới</i>
22	7420201	Công nghệ sinh học	
23	7520301	Kỹ thuật hóa học	
24	7480101	Khoa học máy tính	
25	7480102	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	
26	7480103	Kỹ thuật phần mềm	
27	7480104	Hệ thống thông tin	<i>Ngành mới</i>
28	7520201	Kỹ thuật điện	
29	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
30	7520207T	Kỹ thuật điện tử - viễn thông (Chuyên ngành Kỹ thuật thiết kế vi mạch bán dẫn)	
31	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
32	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử	
33	7580201	Kỹ thuật xây dựng	
34	7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Ghi chú
35	7580302	Quản lý xây dựng	
36	7580101	Kiến trúc	
37	7580104	Kiến trúc đô thị	<i>Ngành mới</i>
38	7580105	Quy hoạch vùng và đô thị	
39	7580108	Thiết kế nội thất	
40	7210403	Thiết kế đồ họa	
41	7210404	Thiết kế thời trang	
42	7210408	Nghệ thuật số (Chuyên ngành Thiết kế truyền thông số)	<i>Ngành mới</i>
43	7810301	Quản lý thể dục thể thao (Chuyên ngành Kinh doanh thể thao và tổ chức sự kiện)	
44	7810301G	Quản lý thể dục thể thao (Chuyên ngành Golf)	
45	7810301T	Quản lý thể dục thể thao (Chuyên ngành Truyền thông và tiếp thị thể thao)	<i>Ngành mới</i>
46	7850201	Bảo hộ lao động	
47	7440301	Khoa học môi trường	
48	7520320	Kỹ thuật môi trường (Chuyên ngành Môi trường và Phát triển bền vững)	<i>Ngành mới</i>
49	7460112	Toán ứng dụng	
50	7460201	Thống kê	
51	7460108	Khoa học dữ liệu	<i>Ngành mới</i>
<b>CHƯƠNG TRÌNH TIÊN TIẾN</b>			
1	F7210403	Thiết kế đồ họa - <i>Chương trình tiên tiến</i>	
2	F7220201	Ngôn ngữ Anh - <i>Chương trình tiên tiến</i>	
3	F7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc - <i>Chương trình tiên tiến</i>	
4	F7310301	Xã hội học - <i>Chương trình tiên tiến</i>	
5	F7340115	Marketing - <i>Chương trình tiên tiến</i>	
6	F7340101	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành Quản trị nhà hàng - khách sạn) - <i>Chương trình tiên tiến</i>	
7	F7340120	Kinh doanh quốc tế - <i>Chương trình tiên tiến</i>	
8	F7340201	Tài chính - Ngân hàng - <i>Chương trình tiên tiến</i>	
9	F7340301	Kế toán - <i>Chương trình tiên tiến</i>	
10	F7380101	Luật (Định hướng Luật kinh tế) - <i>Chương trình tiên tiến</i>	
11	F7380101T	Luật (Định hướng Luật thương mại quốc tế) - <i>Chương trình tiên tiến</i>	
12	F7420201	Công nghệ sinh học - <i>Chương trình tiên tiến</i>	
13	F7480101	Khoa học máy tính - <i>Chương trình tiên tiến</i>	
14	F7480103	Kỹ thuật phần mềm - <i>Chương trình tiên tiến</i>	
15	F7520201	Kỹ thuật điện - <i>Chương trình tiên tiến</i>	
16	F7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn thông - <i>Chương trình tiên tiến</i>	
17	F7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa - <i>Chương trình tiên tiến</i>	
18	F7580201	Kỹ thuật xây dựng - <i>Chương trình tiên tiến</i>	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Ghi chú
19	F7520301	Kỹ thuật hóa học - <i>Chương trình tiên tiến</i>	
20	F7580101	Kiến trúc - <i>Chương trình tiên tiến</i>	
<b>CHƯƠNG TRÌNH HỌC TẠI PHÂN HIỆU KHÁNH HÒA</b>			
1	N7210403	Thiết kế đồ họa - <i>Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa</i>	
2	N7220201	Ngôn ngữ Anh - <i>Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa</i>	
3	N7340115	Marketing - <i>Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa</i>	
4	N7340101	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành Quản trị nhà hàng - khách sạn) - <i>Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa</i>	
5	N7340301	Kế toán - <i>Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa</i>	
6	N7380101	Luật (Định hướng Luật kinh tế) - <i>Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa</i>	
7	N7810101H	Du lịch (Chuyên ngành Hướng dẫn du lịch) - <i>Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa</i>	
8	N7480103	Kỹ thuật phần mềm - <i>Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa</i>	
9	N7480101	Khoa học máy tính - <i>Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa</i>	
10	N7850201	Bảo hộ lao động - <i>Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa</i>	
11	N7440301	Khoa học môi trường - <i>Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa</i>	
12	N7340408	Quan hệ lao động (Chuyên ngành Hành vi tổ chức) - <i>Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa</i>	
13	N7580302	Quản lý xây dựng - <i>Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa</i>	
14	N7580101	Kiến trúc - <i>Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa</i>	
15	N7810301	Quản lý thể dục thể thao (Chuyên ngành Kinh doanh thể thao và tổ chức sự kiện) - <i>Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa</i>	
16	N7340201	Tài chính - Ngân hàng - <i>Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa</i>	
<b>CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC BẰNG TIẾNG ANH</b>			
1	FA7220201	Ngôn ngữ Anh - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>	
2	FA7340115	Marketing - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>	
3	FA7340101	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành Quản trị nhà hàng - khách sạn) - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>	
4	FA7340120	Kinh doanh quốc tế - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>	
5	FA7420201	Công nghệ sinh học - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Ghi chú
6	FA7480101	Khoa học máy tính - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>	
7	FA7480103	Kỹ thuật phần mềm - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>	
8	FA7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>	
9	FA7580201	Kỹ thuật xây dựng - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>	
10	FA7340301	Kế toán (Chuyên ngành Kế toán quốc tế) - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>	
11	FA7340201	Tài chính - Ngân hàng - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>	
<b>CHƯƠNG TRÌNH DỰ BỊ ĐẠI HỌC BẰNG TIẾNG ANH</b>			
1	D7340115	Marketing - <i>Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh</i>	
2	D7340101	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành Quản trị nhà hàng - khách sạn) - <i>Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh</i>	
3	D7340120	Kinh doanh quốc tế - <i>Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh</i>	
4	D7420201	Công nghệ sinh học - <i>Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh</i>	
5	D7480101	Khoa học máy tính - <i>Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh</i>	
6	D7480103	Kỹ thuật phần mềm - <i>Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh</i>	
7	D7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa - <i>Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh</i>	
8	D7580201	Kỹ thuật xây dựng - <i>Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh</i>	
9	D7340301	Kế toán (Chuyên ngành Kế toán quốc tế) - <i>Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh</i>	
10	D7340201	Tài chính - Ngân hàng - <i>Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh</i>	
<b>CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT ĐÀO TẠO QUỐC TẾ</b>			
1	K7340101	Quản trị kinh doanh (song bằng 2+2) - <i>Chương trình liên kết Đại học Kinh tế và Kinh doanh Praha (Cộng hòa Séc)</i>	
2	K7340101N	Quản trị nhà hàng - khách sạn (song bằng 2,5+1,5) - <i>Chương trình liên kết Đại học Taylor's (Malaysia)</i>	
3	K7340201C	Tài chính và kiểm soát (song bằng 3+1, đơn bằng 2+2) - <i>Chương trình liên kết Đại học khoa học ứng dụng Saxion (Hà Lan)</i>	
4	K7340301C	Kế toán (song bằng 3+1) - <i>Chương trình liên kết Đại học West of England, Bristol (Vương quốc Anh);</i>	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Ghi chú
		<i>Chương trình liên kết Đại học khoa học ứng dụng Saxion (Hà Lan)</i>	
5	K7520201	Kỹ thuật điện – điện tử (song bằng 2+2) - <i>Chương trình liên kết Đại học khoa học ứng dụng Saxion (Hà Lan)</i>	
6	K7580201	Kỹ thuật xây dựng (song bằng 2+2) - <i>Chương trình liên kết Đại học La Trobe (Úc)</i>	
7	K7480101L	Công nghệ thông tin (song bằng 2+2) - <i>Chương trình liên kết Đại học La Trobe (Úc)</i>	
8	K7340120L	Kinh doanh quốc tế (song bằng 3 +1) - <i>Chương trình liên kết Đại học La Trobe (Úc)</i>	
9	K7480101T	Khoa học máy tính (đơn bằng 2+2) - <i>Chương trình liên kết Đại học Kỹ thuật Ostrava (Cộng hòa Séc)</i>	
10	K7340101E	Quản trị kinh doanh toàn cầu (đơn bằng 2+2) - <i>Chương trình liên kết Trường Kinh doanh Emlyon (Pháp)</i>	
11	K7340101D	Kinh doanh toàn cầu (đơn bằng 2,5+1,5) - <i>Chương trình liên kết Đại học Văn hóa Trung Quốc (Đài Loan)</i>	
12	K7340101M	Kinh doanh (Tài chính, Kinh doanh quốc tế, Marketing, Kế toán, Quản trị nguồn nhân lực & Quan hệ lao động) (đơn bằng 2+1,5) - <i>Chương trình liên kết Đại học Massey (New Zealand)</i>	
13	K7340120T	Thương mại (Tài chính, Kinh doanh quốc tế, Marketing, Phân tích kinh doanh) (đơn bằng 1,5+2, đơn bằng 2,5+1) - <i>Chương trình liên kết Đại học Macquarie (Úc)</i>	
14	K7220201	Ngôn ngữ Anh (đơn bằng 3+1) - <i>Chương trình liên kết Đại học West of England, Bristol (Vương quốc Anh)</i>	
15	K7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc (song bằng 2+2) - <i>Chương trình liên kết Đại học Sư phạm Thượng Hải (Trung Quốc)</i>	
<b>CHƯƠNG TRÌNH DỰ BỊ LIÊN KẾT ĐÀO TẠO QUỐC TẾ</b>			
1	P7340101	Quản trị kinh doanh (song bằng 2+2) - <i>Chương trình dự bị Đại học Kinh tế và Kinh doanh Praha (Cộng hòa Séc)</i>	
2	P7340101N	Quản trị nhà hàng - khách sạn (song bằng 2,5+1,5) - <i>Chương trình dự bị liên kết Đại học Taylor's (Malaysia)</i>	
3	P7340201C	Tài chính và kiểm soát (song bằng 3+1, đơn bằng 2+2) - <i>Chương trình dự bị liên kết Đại học khoa học ứng dụng Saxion (Hà Lan)</i>	
4	P7340301C	Kế toán (song bằng 3+1) – <i>Chương trình dự bị liên kết Đại học West of England, Bristol (Vương quốc Anh); Chương trình dự bị liên kết Đại học khoa học ứng dụng Saxion (Hà Lan)</i>	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Ghi chú
5	P7520201	Kỹ thuật điện – điện tử (song bằng 2+2) - <i>Chương trình dự bị liên kết Đại học khoa học ứng dụng Saxion (Hà Lan)</i>	
6	P7580201	Kỹ thuật xây dựng (song bằng 2+2) - <i>Chương trình dự bị liên kết Đại học La Trobe (Úc)</i>	
7	P7480101L	Công nghệ thông tin (song bằng 2+2) - <i>Chương trình dự bị liên kết Đại học La Trobe (Úc)</i>	
8	P7340120L	Kinh doanh quốc tế (song bằng 3 +1) - <i>Chương trình dự bị liên kết Đại học La Trobe (Úc)</i>	
9	P7480101T	Khoa học máy tính (đơn bằng 2+2) - <i>Chương trình dự bị liên kết Đại học Kỹ thuật Ostrava (Cộng hòa Séc)</i>	
10	P7340101E	Quản trị kinh doanh toàn cầu (đơn bằng 2+2) - <i>Chương trình dự bị liên kết Trường Kinh doanh Emlyon (Pháp)</i>	
11	P7340101M	Kinh doanh (Tài chính, Kinh doanh quốc tế, Marketing, Kế toán, Quản trị nguồn nhân lực & Quan hệ lao động) (đơn bằng 2+1,5) - <i>Chương trình dự bị liên kết Đại học Massey (New Zealand)</i>	
12	P7340101D	Kinh doanh toàn cầu (đơn bằng 2,5+1,5) - <i>Chương trình dự bị liên kết Đại học Văn hóa Trung Quốc (Đài Loan)</i>	
13	P7340120T	Thương mại (Tài chính, Kinh doanh quốc tế, Marketing, Phân tích kinh doanh) (đơn bằng 1,5+2, đơn bằng 2,5+1) - <i>Chương trình dự bị liên kết Đại học Macquarie (Úc)</i>	

Ngoài ra, TDTU tuyển sinh Chương trình Cử nhân Kinh doanh (Tài chính, Kinh doanh số, Quản lý chuỗi cung ứng) liên kết (3+0) với Đại học Waikato, New Zealand. Sinh viên học toàn thời gian tại TDTU với chương trình chuẩn của Đại học Waikato, nằm trong Top 1% chương trình đào tạo kinh doanh tốt nhất thế giới và được cấp bằng tốt nghiệp cử nhân của Trường Đại học Waikato.

**PHỤ LỤC 2 - DANH MỤC NGÀNH, TỔ HỢP, ĐIỀU KIỆN XÉT TUYỂN PHƯƠNG THỨC 1 NĂM 2026**

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	TH gốc	Môn điều kiện (ĐTB 2 HK lớp 12 hoặc điểm thi THPT)	Ngưỡng đầu vào 2026
1	7220201	Ngôn ngữ Anh	Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh $\geq 6.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Ngữ văn*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 6.0$	
			Ngữ văn*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 6.0$	
			Ngữ văn*2, Sinh học, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 6.0$	
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 6.0$	
			Ngữ văn*2, Địa lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 6.0$	
2	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung $\geq 5.5$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Ngữ văn*2, Tiếng Trung, Vật lí		Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung $\geq 5.5$	
			Ngữ văn*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung $\geq 5.5$	
			Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Trung		Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung $\geq 5.5$	
			Ngữ văn*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung $\geq 5.5$	
			Ngữ văn*2, Sinh học, Tiếng Anh		Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung $\geq 5.5$	
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh		Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung $\geq 5.5$	
			Ngữ văn*2, Địa lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung $\geq 5.5$	
3	7810101	Du lịch (Chuyên ngành Quản lý du lịch)	Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh	x	Ngữ văn $\geq 5.5$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Địa lí		Ngữ văn $\geq 5.5$	
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh		Ngữ văn $\geq 5.5$	
			Ngữ văn*2, Toán, Địa lí		Ngữ văn $\geq 5.5$	
			Ngữ văn*2, Toán, Lịch sử		Ngữ văn $\geq 5.5$	
			Toán, Ngữ văn*2, Hóa học		Ngữ văn $\geq 5.5$	
4	7810101H	Du lịch (Chuyên ngành Hướng dẫn du lịch)	Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh	x	Ngữ văn $\geq 5.5$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Địa lí		Ngữ văn $\geq 5.5$	
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh		Ngữ văn $\geq 5.5$	
			Ngữ văn*2, Toán, Địa lí		Ngữ văn $\geq 5.5$	
			Ngữ văn*2, Toán, Lịch sử		Ngữ văn $\geq 5.5$	
			Toán, Ngữ văn*2, Hóa học		Ngữ văn $\geq 5.5$	
5	7310301	Xã hội học	Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh	x	Ngữ văn $\geq 5.5$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Địa lí		Ngữ văn $\geq 5.5$	
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh		Ngữ văn $\geq 5.5$	
			Ngữ văn*2, Toán, Địa lí		Ngữ văn $\geq 5.5$	
			Ngữ văn*2, Toán, Lịch sử		Ngữ văn $\geq 5.5$	
			Toán, Ngữ văn*2, Hóa học		Ngữ văn $\geq 5.5$	
6	7760101	Công tác xã hội	Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh	x	Ngữ văn $\geq 5.5$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Địa lí		Ngữ văn $\geq 5.5$	
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh		Ngữ văn $\geq 5.5$	
			Ngữ văn*2, Toán, Địa lí		Ngữ văn $\geq 5.5$	
			Ngữ văn*2, Toán, Lịch sử		Ngữ văn $\geq 5.5$	
			Toán, Ngữ văn*2, Hóa học		Ngữ văn $\geq 5.5$	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	TH gốc	Môn điều kiện (ĐTB 2 HK lớp 12 hoặc điểm thi THPT)	Ngưỡng đầu vào 2026
7	7310206	Quan hệ quốc tế	Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh $\geq 5.5$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Địa lí		Tiếng Anh $\geq 5.5$	
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 5.5$	
			Ngữ văn*2, Toán, Địa lí		Tiếng Anh $\geq 5.5$	
			Ngữ văn*2, Toán, Lịch sử		Tiếng Anh $\geq 5.5$	
			Toán, Ngữ văn*2, Hóa học		Tiếng Anh $\geq 5.5$	
8	7340101	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành Quản trị nhà hàng - khách sạn)	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh $\geq 6.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 6.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Tiếng Anh $\geq 6.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Tiếng Anh $\geq 6.0$	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Tiếng Anh $\geq 6.0$	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 6.0$	
9	7340101C	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành Quản trị chuỗi cung ứng)	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Toán $\geq 6.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán $\geq 6.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Toán $\geq 6.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán $\geq 6.0$	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán $\geq 6.0$	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Toán $\geq 6.0$	
10	7340404	Quản trị nhân lực	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh $\geq 6.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 6.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Tiếng Anh $\geq 6.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Tiếng Anh $\geq 6.0$	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Tiếng Anh $\geq 6.0$	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 6.0$	
11	7340115	Marketing	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh $\geq 6.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 6.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Tiếng Anh $\geq 6.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Tiếng Anh $\geq 6.0$	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Tiếng Anh $\geq 6.0$	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 6.0$	
12	7340120	Kinh doanh quốc tế	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh $\geq 6.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 6.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Tiếng Anh $\geq 6.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Tiếng Anh $\geq 6.0$	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Tiếng Anh $\geq 6.0$	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 6.0$	
13	7340408	Quan hệ lao động (Chuyên ngành Quản lý quan hệ lao động, Chuyên ngành Hành vi tổ chức)	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Toán $\geq 5.5$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.5$	
14	7340201	Tài chính - Ngân hàng	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Toán $\geq 5.5$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Lịch sử, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Ngữ văn, Tin học		Toán $\geq 5.5$	
Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán $\geq 5.5$				
Toán*2, Hóa học, Tin học		Toán $\geq 5.5$				

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	TH gốc	Môn điều kiện (ĐTB 2 HK lớp 12 hoặc điểm thi THPT)	Ngưỡng đầu vào 2026
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán $\geq 5.5$	
15	7340201Q	Tài chính - Ngân hàng (Chuyên ngành Tài chính quốc tế)	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Toán $\geq 5.5$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Ngữ văn, Tin học		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Hóa học, Tin học		Toán $\geq 5.5$	
16	7340205	Công nghệ tài chính	Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán $\geq 5.5$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Ngữ văn, Tin học		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán $\geq 5.5$	
17	7340301	Kế toán	Toán*2, Hóa học, Tin học		Toán $\geq 5.5$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học	x	Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Ngữ văn, Tin học		Toán $\geq 5.5$	
18	7340302	Kiểm toán (Chuyên ngành Kiểm toán và Phân tích dữ liệu)	Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán $\geq 5.5$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tin học		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học	x	Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.5$	
19	7380101	Luật	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Ngữ văn $\geq 6.0$	Đạt một trong các yêu cầu ngưỡng đầu vào sau: (1) Đạt ngưỡng đầu vào theo kết quả thi THPT 2026 do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định Hoặc (2) Đánh giá cả năm lớp 12 mức Tốt và Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 18/30$ ; và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Địa lí		Ngữ văn $\geq 6.0$	
			Ngữ văn*2, Địa lí, Tiếng Anh		Ngữ văn $\geq 6.0$	
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh		Ngữ văn $\geq 6.0$	
			Ngữ văn*2, Toán, Địa lí		Ngữ văn $\geq 6.0$	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	TH gốc	Môn điều kiện (ĐTB 2 HK lớp 12 hoặc điểm thi THPT)	Ngưỡng đầu vào 2026
			Ngữ văn*2, Toán, Lịch sử		Ngữ văn $\geq 6.0$	Hoặc (3) Đánh giá cả năm lớp 12 mức Tốt và Điểm xét TN THPT $\geq 8.5$ ; và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định
			Toán, Ngữ văn*2, Hóa học		Ngữ văn $\geq 6.0$	
			Toán, Ngữ văn*2, Vật lí		Ngữ văn $\geq 6.0$	
20	7720201	Dược học	Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh	x	Hóa học $\geq 7.5$	Đạt một trong các yêu cầu ngưỡng đầu vào sau: (1) Đạt ngưỡng đầu vào theo kết quả thi THPT 2026 do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. Hoặc (2) Đánh giá cả năm lớp 12 mức Tốt và Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 20/30$ ; và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định Hoặc (3) Đánh giá cả năm lớp 12 mức Tốt và Điểm xét TN THPT $\geq 8.5$ ; và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định
			Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học		Hóa học $\geq 7.5$	
			Toán*2, Ngữ văn, Sinh học		Hóa học $\geq 7.5$	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Hóa học $\geq 7.5$	
			Toán*2, Sinh học, Hóa học		Hóa học $\geq 7.5$	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Hóa học $\geq 7.5$	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Hóa học $\geq 7.5$	
			Toán*2, Sinh học, Vật lí		Hóa học $\geq 7.5$	
21	7420204	Khoa học y sinh	Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học	x	Sinh học $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Ngữ văn, Sinh học		Sinh học $\geq 5.0$	
			Toán*2, Sinh học, Công nghệ công nghiệp		Sinh học $\geq 5.0$	
			Toán*2, Sinh học, Hóa học		Sinh học $\geq 5.0$	
			Toán*2, Sinh học, Tin học		Sinh học $\geq 5.0$	
			Toán*2, Sinh học, Vật lí		Sinh học $\geq 5.0$	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Sinh học $\geq 5.0$	
22	7420201	Công nghệ sinh học	Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học	x	Sinh học $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Ngữ văn, Sinh học		Sinh học $\geq 5.0$	
			Toán*2, Hóa học, Công nghệ công nghiệp		Sinh học $\geq 5.0$	
			Toán*2, Sinh học, Công nghệ công nghiệp		Sinh học $\geq 5.0$	
			Toán*2, Sinh học, Công nghệ nông nghiệp		Sinh học $\geq 5.0$	
			Toán*2, Sinh học, Hóa học		Sinh học $\geq 5.0$	
			Toán*2, Sinh học, Tin học		Sinh học $\geq 5.0$	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Sinh học $\geq 5.0$	
			Toán*2, Sinh học, Vật lí		Sinh học $\geq 5.0$	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Sinh học $\geq 5.0$	
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Sinh học $\geq 5.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Sinh học $\geq 5.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Sinh học $\geq 5.0$	
Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Sinh học $\geq 5.0$				
23	7520301	Kỹ thuật hóa học	Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh	x	Hóa học $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Công nghệ công nghiệp		Hóa học $\geq 5.0$	
			Toán*2, Sinh học, Công nghệ công nghiệp		Hóa học $\geq 5.0$	
			Toán*2, Hóa học, Tin học		Hóa học $\geq 5.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Hóa học $\geq 5.0$	
			Toán*2, Sinh học, Hóa học		Hóa học $\geq 5.0$	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Hóa học $\geq 5.0$	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Hóa học $\geq 5.0$	
Toán*2, Sinh học, Vật lí		Hóa học $\geq 5.0$				
Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học		Hóa học $\geq 5.0$				

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	TH gốc	Môn điều kiện (ĐTB 2 HK lớp 12 hoặc điểm thi THPT)	Ngưỡng đầu vào 2026
			Toán*2, Ngữ văn, Sinh học		Hóa học $\geq 5.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Hóa học $\geq 5.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Hóa học $\geq 5.0$	
24	7480101	Khoa học máy tính	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán $\geq 5.5$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán $\geq 5.5$	
25	7480102	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán $\geq 5.5$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán $\geq 5.5$	
26	7480103	Kỹ thuật phần mềm	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán $\geq 5.5$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán $\geq 5.5$	
27	7480104	Hệ thống thông tin	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán $\geq 5.5$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán $\geq 5.5$	
28	7520201	Kỹ thuật điện	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán $\geq 5.5$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán $\geq 5.5$	
29	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán $\geq 5.5$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán $\geq 5.5$	
30	7520207T	Kỹ thuật điện tử - viễn thông (Chuyên ngành Kỹ thuật thiết kế vi mạch bán dẫn)	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán $\geq 6.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán $\geq 6.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán $\geq 6.0$	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán $\geq 6.0$	
			Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán $\geq 6.0$	
31	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán $\geq 5.5$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán $\geq 5.5$	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	TH gốc	Môn điều kiện (ĐTB 2 HK lớp 12 hoặc điểm thi THPT)	Ngưỡng đầu vào 2026
32	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán $\geq 5.5$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán $\geq 5.5$	
33	7580201	Kỹ thuật xây dựng	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán $\geq 5.5$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán $\geq 5.5$	
34	7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán $\geq 5.0$	
35	7580302	Quản lý xây dựng	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán $\geq 5.0$	
36	7580101	Kiến trúc	Toán*2, Ngữ văn, Vẽ HHMT	x	Vẽ HHMT $\geq 6.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Tiếng Anh, Vẽ HHMT		Vẽ HHMT $\geq 6.0$	
			Toán*2, Vật lí, Vẽ HHMT		Vẽ HHMT $\geq 6.0$	
37	7580104	Kiến trúc đô thị	Toán*2, Ngữ văn, Vẽ HHMT	x	Vẽ HHMT $\geq 6.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Tiếng Anh, Vẽ HHMT		Vẽ HHMT $\geq 6.0$	
			Toán*2, Vật lí, Vẽ HHMT		Vẽ HHMT $\geq 6.0$	
38	7580105	Quy hoạch vùng và đô thị	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Vẽ HHMT		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Tiếng Anh, Vẽ HHMT		Toán $\geq 5.0$	
39	7580108	Thiết kế nội thất	Ngữ văn*2, Tiếng Anh, Vẽ HHMT	x	Vẽ HHMT $\geq 6.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng cho thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Ngữ văn*2, Vẽ HHMT, Vẽ TTM		Vẽ HHMT $\geq 6.0$	
			Toán, Ngữ văn*2, Vẽ HHMT		Vẽ HHMT $\geq 6.0$	
			Toán*2, Vẽ HHMT, Vẽ TTM		Vẽ HHMT $\geq 6.0$	
			Toán, Ngữ văn*2, Vẽ TTM		Vẽ TTM $\geq 6.0$	
			Ngữ văn*2, Tiếng Anh, Vẽ TTM		Vẽ TTM $\geq 6.0$	
40	7210403	Thiết kế đồ họa	Ngữ văn*2, Tiếng Anh, Vẽ HHMT	x	Vẽ HHMT $\geq 6.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng cho thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Ngữ văn*2, Vẽ HHMT, Vẽ TTM		Vẽ HHMT $\geq 6.0$	
			Toán, Ngữ văn*2, Vẽ HHMT		Vẽ HHMT $\geq 6.0$	
			Toán*2, Vẽ HHMT, Vẽ TTM		Vẽ HHMT $\geq 6.0$	
			Toán, Ngữ văn*2, Vẽ TTM		Vẽ TTM $\geq 6.0$	
			Ngữ văn*2, Tiếng Anh, Vẽ TTM		Vẽ TTM $\geq 6.0$	
			Ngữ văn*2, Tiếng Anh, Vẽ HHMT	x	Vẽ HHMT $\geq 6.0$	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	TH gốc	Môn điều kiện (ĐTB 2 HK lớp 12 hoặc điểm thi THPT)	Ngưỡng đầu vào 2026
41	7210404	Thiết kế thời trang	Ngữ văn*2, Vẽ HHMT, Vẽ TTM		Vẽ HHMT $\geq$ 6.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq$ 15/30 (áp dụng cho thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán, Ngữ văn*2, Vẽ HHMT		Vẽ HHMT $\geq$ 6.0	
			Toán*2, Vẽ HHMT, Vẽ TTM		Vẽ HHMT $\geq$ 6.0	
			Toán, Ngữ văn*2, Vẽ TTM		Vẽ TTM $\geq$ 6.0	
			Ngữ văn*2, Tiếng Anh, Vẽ TTM		Vẽ TTM $\geq$ 6.0	
42	7210408	Nghệ thuật số (Chuyên ngành Thiết kế truyền thông số)	Ngữ văn*2, Tiếng Anh, Vẽ HHMT	x	Vẽ HHMT $\geq$ 6.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq$ 15/30 (áp dụng cho thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Ngữ văn*2, Vẽ HHMT, Vẽ TTM		Vẽ HHMT $\geq$ 6.0	
			Toán, Ngữ văn*2, Vẽ HHMT		Vẽ HHMT $\geq$ 6.0	
			Toán*2, Vẽ HHMT, Vẽ TTM		Vẽ HHMT $\geq$ 6.0	
			Toán, Ngữ văn*2, Vẽ TTM		Vẽ TTM $\geq$ 6.0	
43	7810301	Quản lý thể dục thể thao (Chuyên ngành Kinh doanh thể thao và tổ chức sự kiện)	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Toán $\geq$ 5.5	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq$ 15/30 (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Ngữ văn, Sinh học		Toán $\geq$ 5.5	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lý		Toán $\geq$ 5.5	
			Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học		Toán $\geq$ 5.5	
			Toán*2, Vật lý, Tiếng Anh		Toán $\geq$ 5.5	
			Toán*2, Sinh học, NK TDTT		Toán $\geq$ 5.5	
			Ngữ văn*2, Tiếng Anh, NK TDTT		Toán $\geq$ 5.5	
Toán*2, Ngữ văn, NK TDTT		Toán $\geq$ 5.5				
44	7810301G	Quản lý thể dục thể thao (Chuyên ngành Golf)	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Toán $\geq$ 5.5	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq$ 15/30 (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Ngữ văn, Sinh học		Toán $\geq$ 5.5	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lý		Toán $\geq$ 5.5	
			Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học		Toán $\geq$ 5.5	
			Toán*2, Vật lý, Tiếng Anh		Toán $\geq$ 5.5	
			Toán*2, Sinh học, NK TDTT		Toán $\geq$ 5.5	
			Ngữ văn*2, Tiếng Anh, NK TDTT		Toán $\geq$ 5.5	
Toán*2, Ngữ văn, NK TDTT		Toán $\geq$ 5.5				
45	7810301T	Quản lý thể dục thể thao (Chuyên ngành Truyền thông và tiếp thị thể thao)	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Toán $\geq$ 5.5	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq$ 15/30 (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Ngữ văn, Sinh học		Toán $\geq$ 5.5	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lý		Toán $\geq$ 5.5	
			Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học		Toán $\geq$ 5.5	
			Toán*2, Vật lý, Tiếng Anh		Toán $\geq$ 5.5	
			Toán*2, Sinh học, NK TDTT		Toán $\geq$ 5.5	
			Ngữ văn*2, Tiếng Anh, NK TDTT		Toán $\geq$ 5.5	
Toán*2, Ngữ văn, NK TDTT		Toán $\geq$ 5.5				
46	7850201	Bảo hộ lao động	Toán*2, Ngữ văn, Hóa học	x	Toán $\geq$ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq$ 15/30 (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định (đạt tối thiểu 50% thang điểm xét)
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Sinh học		Toán $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lý		Toán $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Sinh học, Hóa học		Toán $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học		Toán $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Vật lý, Hóa học		Toán $\geq$ 5.0	
Toán*2, Vật lý, Tiếng Anh		Toán $\geq$ 5.0				
47	7440301	Khoa học môi trường	Toán*2, Ngữ văn, Hóa học	x	Toán $\geq$ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq$ 15/30 (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Sinh học		Toán $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lý		Toán $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Sinh học, Hóa học		Toán $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học		Toán $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Vật lý, Hóa học		Toán $\geq$ 5.0	
Toán*2, Vật lý, Tiếng Anh		Toán $\geq$ 5.0				
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học	x	Toán $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán $\geq$ 5.0	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	TH gốc	Môn điều kiện (ĐTB 2 HK lớp 12 hoặc điểm thi THPT)	Ngưỡng đầu vào 2026
48	7520320	Kỹ thuật môi trường (Chuyên ngành Môi trường và Phát triển bền vững)	Toán*2, Ngữ văn, Sinh học		Toán $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Sinh học, Hóa học		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán $\geq 5.0$	
49	7460112	Toán ứng dụng	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán $\geq 5.5$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán $\geq 5.5$	
50	7460201	Thống kê	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán $\geq 5.5$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán $\geq 5.5$	
51	7460108	Khoa học dữ liệu	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán $\geq 5.5$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán $\geq 5.5$	
52	F7210403	Thiết kế đồ họa - Chương trình tiên tiến	Ngữ văn*2, Tiếng Anh, Vẽ HHMT	x	Vẽ HHMT $\geq 6.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng cho thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Ngữ văn*2, Vẽ HHMT, Vẽ TTM		Vẽ HHMT $\geq 6.0$	
			Toán, Ngữ văn*2, Vẽ HHMT		Vẽ HHMT $\geq 6.0$	
			Toán*2, Vẽ HHMT, Vẽ TTM		Vẽ HHMT $\geq 6.0$	
			Toán, Ngữ văn*2, Vẽ TTM		Vẽ TTM $\geq 6.0$	
			Ngữ văn*2, Tiếng Anh, Vẽ TTM		Vẽ TTM $\geq 6.0$	
53	F7220201	Ngôn ngữ Anh - Chương trình tiên tiến	Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh $\geq 6.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Ngữ văn*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 6.0$	
			Ngữ văn*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 6.0$	
			Ngữ văn*2, Sinh học, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 6.0$	
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 6.0$	
			Ngữ văn*2, Địa lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 6.0$	
54	F7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc - Chương trình tiên tiến	Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung $\geq 5.5$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Ngữ văn*2, Tiếng Trung, Vật lí		Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung $\geq 5.5$	
			Ngữ văn*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung $\geq 5.5$	
			Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Trung		Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung $\geq 5.5$	
			Ngữ văn*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung $\geq 5.5$	
			Ngữ văn*2, Sinh học, Tiếng Anh		Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung $\geq 5.5$	
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh		Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung $\geq 5.5$	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	TH gốc	Môn điều kiện (ĐTB 2 HK lớp 12 hoặc điểm thi THPT)	Ngưỡng đầu vào 2026
			Ngữ văn*2, Địa lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung $\geq 5.5$	
55	F7310301	Xã hội học - Chương trình tiên tiến	Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh	x	Ngữ văn $\geq 5.5$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Địa lí		Ngữ văn $\geq 5.5$	
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh		Ngữ văn $\geq 5.5$	
			Ngữ văn*2, Toán, Địa lí		Ngữ văn $\geq 5.5$	
			Ngữ văn*2, Toán, Lịch sử		Ngữ văn $\geq 5.5$	
			Toán, Ngữ văn*2, Hóa học		Ngữ văn $\geq 5.5$	
Toán, Ngữ văn*2, Vật lí		Ngữ văn $\geq 5.5$				
56	F7340115	Marketing - Chương trình tiên tiến	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh $\geq 6.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 6.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Tiếng Anh $\geq 6.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Tiếng Anh $\geq 6.0$	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Tiếng Anh $\geq 6.0$	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 6.0$	
57	F7340101	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành Quản trị nhà hàng - khách sạn) - Chương trình tiên tiến	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh $\geq 6.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 6.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Tiếng Anh $\geq 6.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Tiếng Anh $\geq 6.0$	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Tiếng Anh $\geq 6.0$	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 6.0$	
58	F7340120	Kinh doanh quốc tế - Chương trình tiên tiến	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh $\geq 6.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 6.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Tiếng Anh $\geq 6.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Tiếng Anh $\geq 6.0$	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Tiếng Anh $\geq 6.0$	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 6.0$	
59	F7340201	Tài chính - Ngân hàng - Chương trình tiên tiến	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Toán $\geq 5.5$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Ngữ văn, Tin học		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Hóa học, Tin học		Toán $\geq 5.5$	
Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán $\geq 5.5$				
60	F7340301	Kế toán - Chương trình tiên tiến	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Toán $\geq 5.5$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Ngữ văn, Tin học		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán $\geq 5.5$	
			Toán*2, Hóa học, Tin học		Toán $\geq 5.5$	
Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán $\geq 5.5$				
			Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh	x	Ngữ văn $\geq 6.0$	Đạt một trong các yêu cầu ngưỡng đầu vào sau:
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Địa lí		Ngữ văn $\geq 6.0$	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	TH gốc	Môn điều kiện (ĐTB 2 HK lớp 12 hoặc điểm thi THPT)	Ngưỡng đầu vào 2026
61	F7380101	Luật (Định hướng Luật kinh tế) - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Ngữ văn*2, Địa lí, Tiếng Anh		Ngữ văn $\geq 6.0$	(1) Đạt ngưỡng đầu vào theo kết quả thi THPT 2026 do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định Hoặc (2) Đánh giá cả năm lớp 12 mức Tốt và Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 18/30$ ; và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định Hoặc (3) Đánh giá cả năm lớp 12 mức Tốt và Điểm xét TN THPT $\geq 8.5$ ; và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh		Ngữ văn $\geq 6.0$	
			Ngữ văn*2, Toán, Địa lí		Ngữ văn $\geq 6.0$	
			Ngữ văn*2, Toán, Lịch sử		Ngữ văn $\geq 6.0$	
			Toán, Ngữ văn*2, Hóa học		Ngữ văn $\geq 6.0$	
			Toán, Ngữ văn*2, Vật lí		Ngữ văn $\geq 6.0$	
62	F7380101T	Luật (Định hướng Luật thương mại quốc tế) - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh	x	Ngữ văn $\geq 6.0$	Đạt một trong các yêu cầu ngưỡng đầu vào sau: (1) Đạt ngưỡng đầu vào theo kết quả thi THPT 2026 do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định Hoặc (2) Đánh giá cả năm lớp 12 mức Tốt và Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 18/30$ ; và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định Hoặc (3) Đánh giá cả năm lớp 12 mức Tốt và Điểm xét TN THPT $\geq 8.5$ ; và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Địa lí		Ngữ văn $\geq 6.0$	
			Ngữ văn*2, Địa lí, Tiếng Anh		Ngữ văn $\geq 6.0$	
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh		Ngữ văn $\geq 6.0$	
			Ngữ văn*2, Toán, Địa lí		Ngữ văn $\geq 6.0$	
			Ngữ văn*2, Toán, Lịch sử		Ngữ văn $\geq 6.0$	
			Toán, Ngữ văn*2, Hóa học		Ngữ văn $\geq 6.0$	
			Toán, Ngữ văn*2, Vật lí		Ngữ văn $\geq 6.0$	
63	F7420201	Công nghệ sinh học - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học	x	Sinh học $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Ngữ văn, Sinh học		Sinh học $\geq 5.0$	
			Toán*2, Hóa học, Công nghệ công nghiệp		Sinh học $\geq 5.0$	
			Toán*2, Sinh học, Công nghệ công nghiệp		Sinh học $\geq 5.0$	
			Toán*2, Sinh học, Công nghệ nông nghiệp		Sinh học $\geq 5.0$	
			Toán*2, Sinh học, Hóa học		Sinh học $\geq 5.0$	
			Toán*2, Sinh học, Tin học		Sinh học $\geq 5.0$	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Sinh học $\geq 5.0$	
			Toán*2, Sinh học, Vật lí		Sinh học $\geq 5.0$	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Sinh học $\geq 5.0$	
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Sinh học $\geq 5.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Sinh học $\geq 5.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Sinh học $\geq 5.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Sinh học $\geq 5.0$	
64	F7480101	Khoa học máy tính - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán $\geq 5.0$	
65	F7480103	Kỹ thuật phần mềm - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán $\geq 5.0$	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	TH gốc	Môn điều kiện (ĐTB 2 HK lớp 12 hoặc điểm thi THPT)	Ngưỡng đầu vào 2026
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán $\geq 5.0$	
66	F7520201	Kỹ thuật điện - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán $\geq 5.0$	
67	F7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn thông - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán $\geq 5.0$	
68	F7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán $\geq 5.0$	
69	F7580201	Kỹ thuật xây dựng - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán $\geq 5.0$	
70	F7520301	Kỹ thuật hóa học - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh	x	Hóa học $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Công nghệ công nghiệp		Hóa học $\geq 5.0$	
			Toán*2, Sinh học, Công nghệ công nghiệp		Hóa học $\geq 5.0$	
			Toán*2, Hóa học, Tin học		Hóa học $\geq 5.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Hóa học $\geq 5.0$	
			Toán*2, Sinh học, Hóa học		Hóa học $\geq 5.0$	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Hóa học $\geq 5.0$	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Hóa học $\geq 5.0$	
			Toán*2, Sinh học, Vật lí		Hóa học $\geq 5.0$	
			Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học		Hóa học $\geq 5.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Sinh học		Hóa học $\geq 5.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Hóa học $\geq 5.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Hóa học $\geq 5.0$	
			71	F7580101	Kiến trúc - <i>Chương trình tiên tiến</i>	
Toán*2, Tiếng Anh, Vẽ HHMT		Vẽ HHMT $\geq 6.0$				
Toán*2, Vật lí, Vẽ HHMT		Vẽ HHMT $\geq 6.0$				
72	N7210403	Thiết kế đồ họa - <i>Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa</i>	Ngữ văn*2, Tiếng Anh, Vẽ HHMT	x	Vẽ HHMT $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng cho thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Ngữ văn*2, Vẽ HHMT, Vẽ TTM		Vẽ HHMT $\geq 5.0$	
			Toán, Ngữ văn*2, Vẽ HHMT		Vẽ HHMT $\geq 5.0$	
			Toán*2, Vẽ HHMT, Vẽ TTM		Vẽ HHMT $\geq 5.0$	
			Toán, Ngữ văn*2, Vẽ TTM		Vẽ TTM $\geq 5.0$	
			Ngữ văn*2, Tiếng Anh, Vẽ TTM		Vẽ TTM $\geq 5.0$	
73	N7220201	Ngôn ngữ Anh - <i>Chương trình</i>	Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh $\geq 5.5$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp
			Ngữ văn*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 5.5$	
			Ngữ văn*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 5.5$	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	TH gốc	Môn điều kiện (ĐTB 2 HK lớp 12 hoặc điểm thi THPT)	Ngưỡng đầu vào 2026
73	N7220201	học tại Phân hiệu Khánh Hòa	Ngữ văn*2, Sinh học, Tiếng Anh Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh Ngữ văn*2, Địa lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 5.5$ Tiếng Anh $\geq 5.5$ Tiếng Anh $\geq 5.5$	hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
74	N7340115	Marketing - Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Hóa học Toán*2, Ngữ văn, Vật lí Toán*2, Vật lí, Hóa học Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh $\geq 5.0$ Tiếng Anh $\geq 5.0$ Tiếng Anh $\geq 5.0$ Tiếng Anh $\geq 5.0$ Tiếng Anh $\geq 5.0$ Tiếng Anh $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
75	N7340101	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành Quản trị nhà hàng - khách sạn) - Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Hóa học Toán*2, Ngữ văn, Vật lí Toán*2, Vật lí, Hóa học Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh $\geq 5.0$ Tiếng Anh $\geq 5.0$ Tiếng Anh $\geq 5.0$ Tiếng Anh $\geq 5.0$ Tiếng Anh $\geq 5.0$ Tiếng Anh $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
76	N7340301	Kế toán - Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Hóa học Toán*2, Ngữ văn, Vật lí Toán*2, Vật lí, Hóa học Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Tin học Toán*2, Vật lí, Tin học Toán*2, Hóa học, Tin học Toán*2, Tiếng Anh, Tin học	x	Toán $\geq 5.0$ Toán $\geq 5.0$ Toán $\geq 5.0$ Toán $\geq 5.0$ Toán $\geq 5.0$ Toán $\geq 5.0$ Toán $\geq 5.0$ Toán $\geq 5.0$ Toán $\geq 5.0$ Toán $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
77	N7380101	Luật (Định hướng Luật kinh tế) - Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa	Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh Ngữ văn*2, Lịch sử, Địa lí Ngữ văn*2, Địa lí, Tiếng Anh Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh Ngữ văn*2, Toán, Địa lí Ngữ văn*2, Toán, Lịch sử Toán, Ngữ văn*2, Hóa học Toán, Ngữ văn*2, Vật lí	x	Ngữ văn $\geq 6.0$ Ngữ văn $\geq 6.0$ Ngữ văn $\geq 6.0$ Ngữ văn $\geq 6.0$ Ngữ văn $\geq 6.0$ Ngữ văn $\geq 6.0$ Ngữ văn $\geq 6.0$ Ngữ văn $\geq 6.0$	Đạt một trong các yêu cầu ngưỡng đầu vào sau: (1) Đạt ngưỡng đầu vào theo kết quả thi THPT 2026 do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định Hoặc (2) Đánh giá cả năm lớp 12 mức Tốt và Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 18/30$ ; và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định Hoặc (3) Đánh giá cả năm lớp 12 mức Tốt và Điểm xét TN THPT $\geq 8.5$ ; và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định
78	N7810101H	Du lịch (Chuyên ngành Hướng dẫn du lịch) - Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa	Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh Ngữ văn*2, Lịch sử, Địa lí Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh Ngữ văn*2, Toán, Địa lí Ngữ văn*2, Toán, Lịch sử Toán, Ngữ văn*2, Hóa học Toán, Ngữ văn*2, Vật lí	x	Ngữ văn $\geq 5.0$ Ngữ văn $\geq 5.0$ Ngữ văn $\geq 5.0$ Ngữ văn $\geq 5.0$ Ngữ văn $\geq 5.0$ Ngữ văn $\geq 5.0$ Ngữ văn $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
79	N7480103	Kỹ thuật phần mềm - Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Vật lí Toán*2, Tiếng Anh, Tin học Toán*2, Vật lí, Hóa học	x	Toán $\geq 5.0$ Toán $\geq 5.0$ Toán $\geq 5.0$ Toán $\geq 5.0$ Toán $\geq 5.0$ Toán $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	TH gốc	Môn điều kiện (ĐTB 2 HK lớp 12 hoặc điểm thi THPT)	Ngưỡng đầu vào 2026
80	N7480101	Khoa học máy tính - Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán $\geq$ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq$ 15/30 (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán $\geq$ 5.0	
81	N7850201	Bảo hộ lao động - Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa	Toán*2, Ngữ văn, Hóa học	x	Toán $\geq$ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq$ 15/30 (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Sinh học		Toán $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Sinh học, Hóa học		Toán $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học		Toán $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán $\geq$ 5.0	
82	N7440301	Khoa học môi trường - Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa	Toán*2, Ngữ văn, Hóa học	x	Toán $\geq$ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq$ 15/30 (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Sinh học		Toán $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Sinh học, Hóa học		Toán $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học		Toán $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán $\geq$ 5.0	
83	N7340408	Quan hệ lao động (Chuyên ngành Hành vi tổ chức) - Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Toán $\geq$ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq$ 15/30 (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Toán $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Toán $\geq$ 5.0	
84	N7580302	Quản lý xây dựng - Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán $\geq$ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq$ 15/30 (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Toán $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán $\geq$ 5.0	
85	N7580101	Kiến trúc - Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa	Toán*2, Ngữ văn, Vẽ HHMT	x	Vẽ HHMT $\geq$ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq$ 15/30 (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Tiếng Anh, Vẽ HHMT		Vẽ HHMT $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Vẽ HHMT		Vẽ HHMT $\geq$ 5.0	
86	N7810301	Quản lý thể dục thể thao (Chuyên ngành Kinh doanh thể thao và tổ chức sự kiện) - Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Toán $\geq$ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq$ 15/30 (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Ngữ văn, Sinh học		Toán $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học		Toán $\geq$ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq$ 15/30 (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Toán $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Sinh học, NK TDDT		Toán $\geq$ 5.0	
			Ngữ văn*2, Tiếng Anh, NK TDDT		Toán $\geq$ 5.0	
Toán*2, Ngữ văn, NK TDDT		Toán $\geq$ 5.0				
87	N7340201	Tài chính - Ngân hàng - Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Toán $\geq$ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq$ 15/30 (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Toán $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Toán $\geq$ 5.0	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	TH gốc	Môn điều kiện (ĐTB 2 HK lớp 12 hoặc điểm thi THPT)	Ngưỡng đầu vào 2026
			Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Hóa học, Tin học		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán $\geq 5.0$	
88	FA7220201	Ngôn ngữ Anh - Chương trình đại học bằng tiếng Anh	Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh $\geq 5.5$ và IELTS $\geq 5.0$ (trung đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Ngữ văn*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 5.5$ và IELTS $\geq 5.0$ (trung đương)	
			Ngữ văn*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 5.5$ và IELTS $\geq 5.0$ (trung đương)	
			Ngữ văn*2, Sinh học, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 5.5$ và IELTS $\geq 5.0$ (trung đương)	
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 5.5$ và IELTS $\geq 5.0$ (trung đương)	
			Ngữ văn*2, Địa lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 5.5$ và IELTS $\geq 5.0$ (trung đương)	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài		Tiếng Anh $\geq 5.5$ và IELTS $\geq 5.0$ (trung đương)	
89	FA7340115	Marketing - Chương trình đại học bằng tiếng Anh	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh $\geq 6.0$ và IELTS $\geq 5.0$ (trung đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 6.0$ và IELTS $\geq 5.0$ (trung đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Tiếng Anh $\geq 6.0$ và IELTS $\geq 5.0$ (trung đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Tiếng Anh $\geq 6.0$ và IELTS $\geq 5.0$ (trung đương)	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Tiếng Anh $\geq 6.0$ và IELTS $\geq 5.0$ (trung đương)	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 6.0$ và IELTS $\geq 5.0$ (trung đương)	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài		Tiếng Anh $\geq 6.0$ và IELTS $\geq 5.0$ (trung đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh $\geq 6.0$ và IELTS $\geq 5.0$ (trung đương)	
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 6.0$ và IELTS $\geq 5.0$ (trung đương)	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	TH gốc	Môn điều kiện (ĐTB 2 HK lớp 12 hoặc điểm thi THPT)	Ngưỡng đầu vào 2026
90	FA7340101	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành: Quản trị nhà hàng - khách sạn) - Chương trình đại học bằng tiếng Anh	Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Tiếng Anh $\geq 6.0$ và IELTS $\geq 5.0$ (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Tiếng Anh $\geq 6.0$ và IELTS $\geq 5.0$ (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Tiếng Anh $\geq 6.0$ và IELTS $\geq 5.0$ (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 6.0$ và IELTS $\geq 5.0$ (tương đương)	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài		Tiếng Anh $\geq 6.0$ và IELTS $\geq 5.0$ (tương đương)	
91	FA7340120	Kinh doanh quốc tế - Chương trình đại học bằng tiếng Anh	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh $\geq 6.0$ và IELTS $\geq 5.0$ (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 6.0$ và IELTS $\geq 5.0$ (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Tiếng Anh $\geq 6.0$ và IELTS $\geq 5.0$ (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Tiếng Anh $\geq 6.0$ và IELTS $\geq 5.0$ (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Tiếng Anh $\geq 6.0$ và IELTS $\geq 5.0$ (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 6.0$ và IELTS $\geq 5.0$ (tương đương)	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài		Tiếng Anh $\geq 6.0$ và IELTS $\geq 5.0$ (tương đương)	
			Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học	x	Sinh học $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.0$ (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Sinh học		Sinh học $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.0$ (tương đương)	
			Toán*2, Hóa học, Công nghệ công nghiệp		Sinh học $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.0$ (tương đương)	
			Toán*2, Sinh học, Công nghệ công nghiệp		Sinh học $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.0$ (tương đương)	
			Toán*2, Sinh học, Công nghệ nông nghiệp		Sinh học $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.0$ (tương đương)	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	TH gốc	Môn điều kiện (ĐTB 2 HK lớp 12 hoặc điểm thi THPT)	Ngưỡng đầu vào 2026
92	FA7420201	Công nghệ sinh học - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>	Toán*2, Sinh học, Hóa học		Sinh học $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.0$ (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Sinh học, Tin học		Sinh học $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.0$ (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Sinh học $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.0$ (tương đương)	
			Toán*2, Sinh học, Vật lí		Sinh học $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.0$ (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Sinh học $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.0$ (tương đương)	
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Sinh học $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.0$ (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Sinh học $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.0$ (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Sinh học $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.0$ (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Sinh học $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.0$ (tương đương)	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài		Sinh học $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.0$ (tương đương)	
93	FA7480101	Khoa học máy tính - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.0$ (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.0$ (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.0$ (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.0$ (tương đương)	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.0$ (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.0$ (tương đương)	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài		Toán $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.0$ (tương đương)	
94	FA7480103	Kỹ thuật phần mềm - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.0$ (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.0$ (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.0$ (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.0$ (tương đương)	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	TH gốc	Môn điều kiện (ĐTB 2 HK lớp 12 hoặc điểm thi THPT)	Ngưỡng đầu vào 2026
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.0 (tương đương)	năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.0 (tương đương)	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài		Toán $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.0 (tương đương)	
95	FA7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa - Chương trình đại học bằng tiếng Anh	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.0 (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq$ 15/30 (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.0 (tương đương)	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài		Toán $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.0 (tương đương)	
96	FA7580201	Kỹ thuật xây dựng - Chương trình đại học bằng tiếng Anh	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.0 (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq$ 15/30 (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Toán $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.0 (tương đương)	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài		Toán $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.0 (tương đương)	
97	FA7340301	Kế toán (Chuyên ngành: Kế toán quốc tế) - Chương trình đại học bằng tiếng Anh	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Toán $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.0 (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq$ 15/30 (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Toán $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Toán $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Tin học		Toán $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.0 (tương đương)	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	TH gốc	Môn điều kiện (ĐTB 2 HK lớp 12 hoặc điểm thi THPT)	Ngưỡng đầu vào 2026
			Toán*2, Hóa học, Tin học		Toán $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.0 (tương đương)	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài		Toán $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.0 (tương đương)	
98	FA7340201	Tài chính ngân hàng - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Toán $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.0 (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq$ 15/30 (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Toán $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Toán $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Tin học		Toán $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Hóa học, Tin học		Toán $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.0 (tương đương)	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.0 (tương đương)	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài		Toán $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.0 (tương đương)	
99	D7340115	Marketing - <i>Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh</i>	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh $\geq$ 6.0	
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq$ 6.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Tiếng Anh $\geq$ 6.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Tiếng Anh $\geq$ 6.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Tiếng Anh $\geq$ 6.0	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq$ 6.0	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài		Tiếng Anh $\geq$ 6.0	
100	D7340101	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành: Quản trị nhà hàng - khách sạn) - <i>Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh</i>	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh $\geq$ 6.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq$ 15/30 (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq$ 6.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Tiếng Anh $\geq$ 6.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Tiếng Anh $\geq$ 6.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Tiếng Anh $\geq$ 6.0	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq$ 6.0	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài		Tiếng Anh $\geq$ 6.0	
101	D7340120	Kinh doanh quốc tế - <i>Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh</i>	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh $\geq$ 6.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq$ 15/30 (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq$ 6.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Tiếng Anh $\geq$ 6.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Tiếng Anh $\geq$ 6.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Tiếng Anh $\geq$ 6.0	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq$ 6.0	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài		Tiếng Anh $\geq$ 6.0	
			Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học	x	Sinh học $\geq$ 5.0	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	TH gốc	Môn điều kiện (ĐTB 2 HK lớp 12 hoặc điểm thi THPT)	Ngưỡng đầu vào 2026
102	D7420201	Công nghệ sinh học - Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh	Toán*2, Ngữ văn, Sinh học		Sinh học $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Công nghệ công nghiệp		Sinh học $\geq 5.0$	
			Toán*2, Sinh học, Công nghệ công nghiệp		Sinh học $\geq 5.0$	
			Toán*2, Sinh học, Công nghệ nông nghiệp		Sinh học $\geq 5.0$	
			Toán*2, Sinh học, Hóa học		Sinh học $\geq 5.0$	
			Toán*2, Sinh học, Tin học		Sinh học $\geq 5.0$	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Sinh học $\geq 5.0$	
			Toán*2, Sinh học, Vật lí		Sinh học $\geq 5.0$	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Sinh học $\geq 5.0$	
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Sinh học $\geq 5.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Sinh học $\geq 5.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Sinh học $\geq 5.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Sinh học $\geq 5.0$	
Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài		Sinh học $\geq 5.0$				
103	D7480101	Khoa học máy tính - Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán $\geq 5.0$	
Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài		Toán $\geq 5.0$				
104	D7480103	Kỹ thuật phần mềm - Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán $\geq 5.0$	
Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài		Toán $\geq 5.0$				
105	D7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa - Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán $\geq 5.0$	
Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài		Toán $\geq 5.0$				
106	D7580201	Kỹ thuật xây dựng - Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán $\geq 5.0$	
Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài		Toán $\geq 5.0$				
		Kế toán (Chuyên ngành: Kế toán)	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Toán $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số)
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán $\geq 5.0$	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	TH gốc	Môn điều kiện (ĐTB 2 HK lớp 12 hoặc điểm thi THPT)	Ngưỡng đầu vào 2026
107	D7340301	KC toán (Chuyên ngành: KC toán quốc tế) - Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Tin học Toán*2, Vật lí, Tin học Toán*2, Hóa học, Tin học Toán*2, Tiếng Anh, Tin học Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài		Toán $\geq$ 5.0 Toán $\geq$ 5.0 Toán $\geq$ 5.0 Toán $\geq$ 5.0 Toán $\geq$ 5.0 Toán $\geq$ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq$ 15/30 (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
108	D7340201	Tài chính ngân hàng - Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Hóa học Toán*2, Ngữ văn, Vật lí Toán*2, Vật lí, Hóa học Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Tin học Toán*2, Vật lí, Tin học Toán*2, Hóa học, Tin học Toán*2, Tiếng Anh, Tin học Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài	x	Toán $\geq$ 5.0 Toán $\geq$ 5.0 Toán $\geq$ 5.0 Toán $\geq$ 5.0 Toán $\geq$ 5.0 Toán $\geq$ 5.0 Toán $\geq$ 5.0 Toán $\geq$ 5.0 Toán $\geq$ 5.0 Toán $\geq$ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq$ 15/30 (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
109	K7340101	Quản trị kinh doanh (song bằng 2+2) - Chương trình liên kết Trường Đại học Kinh tế và Kinh doanh Praha (Cộng Hòa Séc)	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Hóa học Toán*2, Ngữ văn, Vật lí Toán*2, Vật lí, Hóa học Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn	x	Tiếng Anh $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.5 (tương đương) Tiếng Anh $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.5 (tương đương) Tiếng Anh $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.5 (tương đương) Tiếng Anh $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.5 (tương đương) Tiếng Anh $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.5 (tương đương) Tiếng Anh $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.5 (tương đương) Tiếng Anh $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.5 (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq$ 15/30 (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
		Quản trị nhà hàng - khách sạn	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Hóa học	x	Tiếng Anh $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.5 (tương đương) Tiếng Anh $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.5 (tương đương) Tiếng Anh $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.5 (tương đương)	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	TH gốc	Môn điều kiện (ĐTB 2 HK lớp 12 hoặc điểm thi THPT)	Ngưỡng đầu vào 2026
110	K7340101N	Quản trị kinh doanh - Khách sạn (song bằng 2,5+1,5) - Chương trình liên kết Đại học Taylor's (Malaysia)	Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Tiếng Anh $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Tiếng Anh $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn		Tiếng Anh $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	
111	K7340201C	Tài chính và kiểm soát (song bằng 3+1, đơn bằng 2+2) - Chương trình liên kết Đại học khoa học ứng dụng Saxon (Hà Lan)	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Toán $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Toán $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Tin học		Toán $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	
			Toán*2, Hóa học, Tin học		Toán $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn		Toán $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	
112	K7340301C	Kế toán (song bằng 3+1) – Chương trình liên kết Đại học West of England, Bristol (Vương quốc Anh); Chương trình liên kết Đại học khoa học ứng dụng Saxon (Hà Lan)	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Toán $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Toán $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Tin học		Toán $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	
			Toán*2, Hóa học, Tin học		Toán $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	TH gốc	Môn điều kiện (ĐTB 2 HK lớp 12 hoặc điểm thi THPT)	Ngưỡng đầu vào 2026
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.5 (tương đương)	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn		Toán $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.5 (tương đương)	
113	K7520201	Kỹ thuật điện – điện tử (song bằng 2+2) - Chương trình liên kết Đại học khoa học ứng dụng Saxion (Hà Lan)	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.5 (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq$ 15/30 (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.5 (tương đương)	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn		Toán $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.5 (tương đương)	
114	K7580201	Kỹ thuật xây dựng (song bằng 2+2) - Chương trình liên kết Đại học La Trobe (Úc)	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.5 (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq$ 15/30 (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Toán $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.5 (tương đương)	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn		Toán $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.5 (tương đương)	
115	K7480101L	Công nghệ thông tin (song bằng 2+2) - Chương trình liên kết Đại học La Trobe (Úc)	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.5 (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq$ 15/30 (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.5 (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.5 (tương đương)	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn		Toán $\geq$ 5.0 và IELTS $\geq$ 5.5 (tương đương)	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	TH gốc	Môn điều kiện (ĐTB 2 HK lớp 12 hoặc điểm thi THPT)	Ngưỡng đầu vào 2026
116	K7340120L	Kinh doanh quốc tế (song bằng 3 +1) - <i>Chương trình liên kết Đại học La Trobe (Úc)</i>	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Tiếng Anh $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Tiếng Anh $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Tiếng Anh $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn		Tiếng Anh $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	
117	K7480101T	Khoa học máy tính (đơn bằng 2+2) - <i>Chương trình liên kết Đại học Kỹ thuật Ostrava (CH Séc)</i>	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn		Toán $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	
118	K7340101E	Quản trị kinh doanh toàn cầu (đơn bằng 2+2) - <i>Chương trình liên kết Trường Kinh doanh Emlyon (Pháp)</i>	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Tiếng Anh $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Tiếng Anh $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Tiếng Anh $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	TH gốc	Môn điều kiện (ĐTB 2 HK lớp 12 hoặc điểm thi THPT)	Ngưỡng đầu vào 2026
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (trung đương)	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn		Tiếng Anh $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (trung đương)	
119	K7340101D	Kinh doanh toàn cầu (đơn bằng 2,5+1,5) - Chương trình liên kết Trường đại học Văn hóa Trung Quốc (Đài Loan)	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (trung đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (trung đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Tiếng Anh $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (trung đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Tiếng Anh $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (trung đương)	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Tiếng Anh $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (trung đương)	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (trung đương)	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn		Tiếng Anh $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (trung đương)	
120	K7340101M	Kinh doanh (Tài chính, Kinh doanh quốc tế, Marketing, Kế toán, Quản trị nguồn nhân lực & Quan hệ lao động) (đơn bằng 2+1,5) - Chương trình liên kết Đại học Massey (New Zealand)	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (trung đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (trung đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Tiếng Anh $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (trung đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Tiếng Anh $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (trung đương)	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Tiếng Anh $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (trung đương)	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (trung đương)	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn		Tiếng Anh $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (trung đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (trung đương)	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	TH gốc	Môn điều kiện (ĐTB 2 HK lớp 12 hoặc điểm thi THPT)	Ngưỡng đầu vào 2026
121	K7340120T	Thương mại (Tài chính, Kinh doanh quốc tế, Marketing, Phân tích kinh doanh) (đơn bằng 1,5+2, đơn bằng 2,5+1) - <i>Chương trình liên kết Đại học Macquarie (Úc)</i>	Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Tiếng Anh $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Tiếng Anh $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Tiếng Anh $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn		Tiếng Anh $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	
122	K7220201	Ngôn ngữ Anh (đơn bằng 3+1) - <i>Chương trình liên kết Đại học West of England, Bristol (Vương quốc Anh)</i>	Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh $\geq 5.5$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Ngữ văn*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 5.5$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	
			Ngữ văn*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 5.5$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	
			Ngữ văn*2, Sinh học, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 5.5$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 5.5$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	
			Ngữ văn*2, Địa lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 5.5$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn		Tiếng Anh $\geq 5.5$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	
123	K7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc (song bằng 2+2) - <i>Chương trình liên kết Đại học Sư phạm Thượng Hải (Trung Quốc)</i>	Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung $\geq 5.5$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Ngữ văn*2, Tiếng Trung, Vật lí		Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung $\geq 5.5$	
			Ngữ văn*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung $\geq 5.5$	
			Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Trung		Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung $\geq 5.5$	
			Ngữ văn*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung $\geq 5.5$	
			Ngữ văn*2, Sinh học, Tiếng Anh		Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung $\geq 5.5$	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	TH gốc	Môn điều kiện (ĐTB 2 HK lớp 12 hoặc điểm thi THPT)	Ngưỡng đầu vào 2026
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 5.5$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	
			Ngữ văn*2, Địa lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung $\geq 5.5$	
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn		Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung $\geq 5.5$	
124	P7340101	Quản trị kinh doanh (song bằng 2+2) - Chương trình dự bị Trường Đại học Kinh tế và Kinh doanh Praha (Cộng Hòa Séc)	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 5.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Tiếng Anh $\geq 5.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Tiếng Anh $\geq 5.0$	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Tiếng Anh $\geq 5.0$	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 5.0$	
		Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn		Tiếng Anh $\geq 5.0$		
125	P7340101N	Quản trị nhà hàng - khách sạn (song bằng 2,5+1,5) - Chương trình dự bị liên kết Đại học Taylor's (Malaysia)	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 5.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Tiếng Anh $\geq 5.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Tiếng Anh $\geq 5.0$	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Tiếng Anh $\geq 5.0$	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 5.0$	
		Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn		Tiếng Anh $\geq 5.0$		
126	P7340201C	Tài chính và kiểm soát (song bằng 3+1, đơn bằng 2+2) - Chương trình dự bị liên kết Đại học khoa học ứng dụng Saxion (Hà Lan)	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Toán $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Tin học		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Hóa học, Tin học		Toán $\geq 5.0$	
		Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán $\geq 5.0$		
		Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn		Toán $\geq 5.0$		
127	P7340301C	Kế toán (song bằng 3+1) – Chương trình dự bị liên kết Đại học West of England, Bristol (Vương quốc Anh); Chương trình dự bị liên kết Đại học khoa học ứng dụng Saxion (Hà Lan)	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Toán $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Tin học		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán $\geq 5.0$	
			Toán*2, Hóa học, Tin học		Toán $\geq 5.0$	
		Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán $\geq 5.0$		
		Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn		Toán $\geq 5.0$		
		Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán $\geq 5.0$		

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	TH gốc	Môn điều kiện (ĐTB 2 HK lớp 12 hoặc điểm thi THPT)	Ngưỡng đầu vào 2026
128	P7520201	Kỹ thuật điện – điện tử (song bằng 2,5+1,5) - Chương trình dự bị liên kết Đại học khoa học ứng dụng Saxion (Hà Lan)	Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán $\geq$ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq$ 15/30 (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán $\geq$ 5.0	
Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn		Toán $\geq$ 5.0				
129	P7580201	Kỹ thuật xây dựng (song bằng 2+2) - Chương trình dự bị liên kết Đại học La Trobe (Úc)	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán $\geq$ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq$ 15/30 (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Toán $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Tin học		Toán $\geq$ 5.0	
Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn		Toán $\geq$ 5.0				
130	P7480101L	Công nghệ thông tin (song bằng 2+2) - Chương trình dự bị liên kết Đại học La Trobe (Úc)	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán $\geq$ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq$ 15/30 (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán $\geq$ 5.0	
Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn		Toán $\geq$ 5.0				
131	P7340120L	Kinh doanh quốc tế (song bằng 3 +1) - Chương trình dự bị liên kết Đại học La Trobe (Úc)	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh $\geq$ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq$ 15/30 (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Tiếng Anh $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Tiếng Anh $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Tiếng Anh $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq$ 5.0	
Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn		Tiếng Anh $\geq$ 5.0				
132	P7480101T	Khoa học máy tính (đơn bằng 2+2) - Chương trình dự bị liên kết Đại học Kỹ thuật Ostrava (CH Séc)	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Toán $\geq$ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq$ 15/30 (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Toán $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh		Toán $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Toán $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học		Toán $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Toán $\geq$ 5.0	
Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn		Toán $\geq$ 5.0				
133	P7340101E	Quản trị kinh doanh toàn cầu (đơn bằng 2+2) - Chương trình dự bị liên kết Trường Kinh doanh Embayn (Phân)	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh $\geq$ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq$ 15/30 (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Tiếng Anh $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Tiếng Anh $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Tiếng Anh $\geq$ 5.0	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq$ 5.0	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	TH gốc	Môn điều kiện (ĐTB 2 HK lớp 12 hoặc điểm thi THPT)	Ngưỡng đầu vào 2026
		<i>Emlyon (t.nập)</i>	Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn		Tiếng Anh $\geq 5.0$	
134	P7340101M	Kinh doanh (Tài chính, Kinh doanh quốc tế, Marketing, Kế toán, Quản trị nguồn nhân lực & Quan hệ lao động) (đơn bằng 2+1,5) - Chương trình dự bị liên kết Đại học Massey (New Zealand)	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 5.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Tiếng Anh $\geq 5.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Tiếng Anh $\geq 5.0$	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Tiếng Anh $\geq 5.0$	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 5.0$	
Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn		Tiếng Anh $\geq 5.0$				
135	P7340101D	Kinh doanh toàn cầu (đơn bằng 2,5+1,5) - Chương trình dự bị liên kết Trường đại học Văn hóa Trung Quốc (Đài Loan)	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 5.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Tiếng Anh $\geq 5.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Tiếng Anh $\geq 5.0$	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Tiếng Anh $\geq 5.0$	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 5.0$	
Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn		Tiếng Anh $\geq 5.0$				
136	P7340120T	Thương mại (Tài chính, Kinh doanh quốc tế, Marketing, Phân tích kinh doanh) (đơn bằng 1,5+2, đơn bằng 2,5+1) - Chương trình dự bị liên kết Đại học Macquarie (Úc)	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Tiếng Anh $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 5.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học		Tiếng Anh $\geq 5.0$	
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí		Tiếng Anh $\geq 5.0$	
			Toán*2, Vật lí, Hóa học		Tiếng Anh $\geq 5.0$	
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Tiếng Anh $\geq 5.0$	
Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn		Tiếng Anh $\geq 5.0$				

**PHỤ LỤC 3 - DANH MỤC NGÀNH, TỔ HỢP, ĐIỀU KIỆN XÉT TUYỂN PHƯƠNG THỨC 2 NĂM 2026**

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét điều kiện	TH gốc	Môn điều kiện	Ngưỡng đầu vào 2026
1	7220201	Ngôn ngữ Anh	Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh	x	Điểm thành phần Tiếng Anh ≥ 180 hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Tiếng Anh ≥ 6.0 hoặc Điểm thi THPT môn Tiếng Anh ≥ 6.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) ≥ 15/30 (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Ngữ văn*2, Vật lí, Tiếng Anh			
			Ngữ văn*2, Hóa học, Tiếng Anh			
			Ngữ văn*2, Sinh học, Tiếng Anh			
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh			
2	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh	x	Điểm thành phần Tiếng Anh ≥ 160 hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Tiếng Anh/hoặc Tiếng Trung ≥ 5.5 hoặc Điểm thi THPT môn Tiếng Anh/ hoặc Tiếng Trung ≥ 5.5	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) ≥ 15/30 (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Ngữ văn*2, Tiếng Trung, Vật lí			
			Ngữ văn*2, Vật lí, Tiếng Anh			
			Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Trung			
			Ngữ văn*2, Hóa học, Tiếng Anh			
3	7810101	Du lịch (Chuyên ngành Quản lý du lịch)	Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh	x	Điểm thành phần Tiếng Việt ≥ 150 hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Ngữ Văn ≥ 5.5 hoặc Điểm thi THPT môn Ngữ Văn ≥ 5.5	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) ≥ 15/30 (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Ngữ văn*2, Địa lí			
			Ngữ văn*2, Toán, Địa lí			
			Ngữ văn*2, Toán, Lịch sử			
			Toán, Ngữ văn*2, Hóa học			
4	7810101H	Du lịch (Chuyên ngành Hướng dẫn du lịch)	Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh	x	Điểm thành phần Tiếng Việt ≥ 150 hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Ngữ Văn ≥ 5.5 hoặc Điểm thi THPT môn Ngữ Văn ≥ 5.5	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) ≥ 15/30 (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Địa lí			
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh			
			Ngữ văn*2, Toán, Địa lí			
			Ngữ văn*2, Toán, Lịch sử			
5	7310301	Xã hội học	Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh	x	Điểm thành phần Tiếng Việt ≥ 150 hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Ngữ Văn ≥ 5.5 hoặc Điểm thi THPT môn Ngữ Văn ≥ 5.5	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) ≥ 15/30 (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Địa lí			
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh			
			Ngữ văn*2, Toán, Địa lí			
			Ngữ văn*2, Toán, Lịch sử			
6	7760101	Công tác xã hội	Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh	x	Điểm thành phần Tiếng Việt ≥ 150 hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Ngữ Văn ≥ 5.5 hoặc Điểm thi THPT môn Ngữ Văn ≥ 5.5	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) ≥ 15/30 (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Địa lí			
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh			
			Ngữ văn*2, Toán, Địa lí			
			Ngữ văn*2, Toán, Lịch sử			
7	7310206	Quan hệ quốc tế	Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh	x	Điểm thành phần Tiếng Việt ≥ 150 hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Tiếng Anh ≥ 5.5 hoặc Điểm thi THPT môn Tiếng Anh ≥ 5.5	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) ≥ 15/30 (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Địa lí			
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh			
			Ngữ văn*2, Toán, Địa lí			
			Ngữ văn*2, Toán, Lịch sử			
8	7340101	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành Quản trị nhà hàng - khách sạn)	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Điểm thành phần Tiếng Anh ≥ 180 hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Tiếng Anh ≥ 6.0 hoặc Điểm thi THPT môn Tiếng Anh ≥ 6.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) ≥ 15/30 (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học			
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí			
			Toán*2, Vật lí, Hóa học			
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x		

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét điều kiện	TH gốc	Môn điều kiện	Ngưỡng đầu vào 2026
9	7340101C	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành Quản trị chuỗi cung ứng)	Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh		Điểm thành phần Toán $\geq 180$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 6.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 6.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học			
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí			
			Toán*2, Vật lí, Hóa học			
10	7340404	Quản trị nhân lực	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Điểm thành phần Tiếng Anh $\geq 180$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Tiếng Anh $\geq 6.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Tiếng Anh $\geq 6.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học			
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí			
11	7340115	Marketing	Toán*2, Vật lí, Hóa học		Điểm thành phần Tiếng Anh $\geq 180$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Tiếng Anh $\geq 6.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Tiếng Anh $\geq 6.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x		
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh			
12	7340120	Kinh doanh quốc tế	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Điểm thành phần Tiếng Anh $\geq 180$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Tiếng Anh $\geq 6.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Tiếng Anh $\geq 6.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học			
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí			
13	7340408	Quan hệ lao động (Chuyên ngành Quản lý quan hệ lao động, Chuyên ngành Hành vi tổ chức)	Toán*2, Vật lí, Hóa học		Điểm thành phần Toán $\geq 160$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 5.5$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 5.5$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh			
			Toán*2, Lịch sử, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x		
14	7340201	Tài chính - Ngân hàng	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Điểm thành phần Toán $\geq 160$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 5.5$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 5.5$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học			
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí			
15	7340201Q	Tài chính - Ngân hàng (Chuyên ngành Tài chính quốc tế)	Toán*2, Vật lí, Hóa học		Điểm thành phần Toán $\geq 160$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 5.5$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 5.5$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Tin học			
			Toán*2, Vật lí, Tin học			
16	7340205	Công nghệ tài chính	Toán*2, Hóa học, Tin học		Điểm thành phần Toán $\geq 160$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 5.5$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 5.5$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học			
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x		
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh			

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét điều kiện	TH gốc	Môn điều kiện	Ngưỡng đầu vào 2026
			Toán*2, Hóa học, Tin học			
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học			
17	7340301	Kế toán	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Điểm thành phần Toán $\geq 160$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 5.5$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 5.5$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học			
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí			
			Toán*2, Vật lí, Hóa học			
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Tin học			
			Toán*2, Vật lí, Tin học			
			Toán*2, Hóa học, Tin học			
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học			
18	7340302	Kiểm toán (Chuyên ngành Kiểm toán và Phân tích dữ liệu)	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Điểm thành phần Toán $\geq 160$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 5.5$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 5.5$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học			
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí			
			Toán*2, Vật lí, Hóa học			
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Tin học			
			Toán*2, Vật lí, Tin học			
			Toán*2, Hóa học, Tin học			
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học			
19	7380101	Luật	Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh	x	Điểm thành phần Tiếng Việt $\geq 180$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Ngữ Văn $\geq 6.0$	Đạt một trong các yêu cầu ngưỡng đầu vào sau: (1) Đạt ngưỡng đầu vào theo kết quả thi THPT 2026 do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định Hoặc (2) Đánh giá cả năm lớp 12 mức Tốt và Tổng điểm thi THPT của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 18/30$ ; và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định Hoặc (3) Đánh giá cả năm lớp 12 mức Tốt và Điểm xét TN THPT $\geq 8.5$ ; và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định Thí sinh tốt nghiệp THPT trước 2026 nộp điểm thi tốt nghiệp THPT về TDTU.
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Địa lí			
			Ngữ văn*2, Địa lí, Tiếng Anh			
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh			
			Ngữ văn*2, Toán, Địa lí			
			Ngữ văn*2, Toán, Lịch sử			
			Toán, Ngữ văn*2, Hóa học			
			Toán, Ngữ văn*2, Vật lí			
20	7720201	Dược học	Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh	x	Điểm thi THPT hoặc ĐTB 2HK lớp 12 môn Hóa học $\geq 7.5$	Đạt một trong các yêu cầu ngưỡng đầu vào sau: (1) Đạt ngưỡng đầu vào theo kết quả thi THPT 2026 do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định. Hoặc (2) Đánh giá cả năm lớp 12 mức Tốt và Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 20/30$ ; và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định Hoặc (3) Đánh giá cả năm lớp 12 mức Tốt và Điểm xét TN THPT $\geq 8.5$ ; và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định Thí sinh tốt nghiệp THPT trước 2026 nộp điểm thi tốt nghiệp THPT về TDTU.
			Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học			
			Toán*2, Ngữ văn, Sinh học			
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học			
			Toán*2, Sinh học, Hóa học			
			Toán*2, Vật lí, Hóa học			
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh			
			Toán*2, Sinh học, Vật lí			

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét điều kiện	TH gốc	Môn điều kiện	Ngưỡng đầu vào 2026
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí			
21	7420204	Khoa học y sinh	Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học	x	Điểm thi THPT hoặc ĐTB 2HK lớp 12 môn Sinh học $\geq$ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq$ 15/30 (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Ngữ văn, Sinh học			
			Toán*2, Sinh học, Công nghệ công nghiệp			
			Toán*2, Sinh học, Hóa học			
			Toán*2, Sinh học, Tin học			
			Toán*2, Sinh học, Vật lí			
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh			
22	7420201	Công nghệ sinh học	Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học	x	Điểm thi THPT hoặc ĐTB 2HK lớp 12 môn Sinh học $\geq$ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq$ 15/30 (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Ngữ văn, Sinh học			
			Toán*2, Hóa học, Công nghệ công nghiệp			
			Toán*2, Sinh học, Công nghệ công nghiệp			
			Toán*2, Sinh học, Công nghệ nông nghiệp			
			Toán*2, Sinh học, Hóa học			
			Toán*2, Sinh học, Tin học			
			Toán*2, Vật lí, Hóa học			
			Toán*2, Sinh học, Vật lí			
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh			
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học			
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí			
23	7520301	Kỹ thuật hóa học	Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh	x	Điểm thi THPT hoặc ĐTB 2HK lớp 12 môn Hóa học $\geq$ 5.0	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq$ 15/30 (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Công nghệ công nghiệp			
			Toán*2, Sinh học, Công nghệ công nghiệp			
			Toán*2, Hóa học, Tin học			
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học			
			Toán*2, Sinh học, Hóa học			
			Toán*2, Vật lí, Hóa học			
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh			
			Toán*2, Sinh học, Vật lí			
			Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học			
			Toán*2, Ngữ văn, Sinh học			
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh			
24	7480101	Khoa học máy tính	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Điểm thành phần Toán $\geq$ 160 hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq$ 5.5 hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq$ 5.5	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq$ 15/30 (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí			
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học			
			Toán*2, Vật lí, Hóa học			
25	7480102	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Điểm thành phần Toán $\geq$ 160 hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq$ 5.5 hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq$ 5.5	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq$ 15/30 (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí			
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học			
			Toán*2, Vật lí, Hóa học			
26	7480103	Kỹ thuật phần mềm	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Điểm thành phần Toán $\geq$ 160 hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq$ 5.5 hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq$ 5.5	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq$ 15/30 (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí			
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học			
			Toán*2, Vật lí, Hóa học			
27	7480104	Hệ thống thông tin	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Điểm thành phần Toán $\geq$ 160 hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq$ 5.5 hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq$ 5.5	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq$ 15/30 (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí			

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét điều kiện	TH gốc	Môn điều kiện	Ngưỡng đầu vào 2026
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học			điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Vật lí, Hóa học			
28	7520201	Kỹ thuật điện	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Điểm thành phần Toán $\geq 160$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 5.5$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 5.5$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí			
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học			
			Toán*2, Vật lí, Hóa học			
			Toán*2, Vật lí, Tin học			
29	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Điểm thành phần Toán $\geq 160$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 5.5$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 5.5$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí			
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học			
			Toán*2, Vật lí, Hóa học			
			Toán*2, Vật lí, Tin học			
30	7520207T	Kỹ thuật điện tử - viễn thông (Chuyên ngành Kỹ thuật thiết kế vi mạch bán dẫn)	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Điểm thành phần Toán $\geq 180$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 6.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 6.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí			
			Toán*2, Vật lí, Hóa học			
			Toán*2, Vật lí, Tin học			
31	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Điểm thành phần Toán $\geq 160$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 5.5$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 5.5$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí			
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học			
			Toán*2, Vật lí, Hóa học			
			Toán*2, Vật lí, Tin học			
32	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Điểm thành phần Toán $\geq 160$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 5.5$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 5.5$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí			
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học			
			Toán*2, Vật lí, Hóa học			
			Toán*2, Vật lí, Tin học			
33	7580201	Kỹ thuật xây dựng	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Điểm thành phần Toán $\geq 160$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 5.5$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 5.5$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học			
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí			
			Toán*2, Vật lí, Hóa học			
			Toán*2, Vật lí, Tin học			
34	7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Điểm thành phần Toán $\geq 150$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học			
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí			
			Toán*2, Vật lí, Hóa học			
			Toán*2, Vật lí, Tin học			
35	7580302	Quản lý xây dựng	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Điểm thành phần Toán $\geq 150$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học			
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí			
			Toán*2, Vật lí, Hóa học			
			Toán*2, Vật lí, Tin học			
36	7580101	Kiến trúc	Toán*2, Ngữ văn, Vẽ HHMT	x	Vẽ HHMT $\geq 6.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Tiếng Anh, Vẽ HHMT			
			Toán*2, Vật lí, Vẽ HHMT			
37	7580104	Kiến trúc đô thị	Toán*2, Ngữ văn, Vẽ HHMT	x	Vẽ HHMT $\geq 6.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng
			Toán*2, Tiếng Anh, Vẽ HHMT			

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét điều kiện	TH gốc	Môn điều kiện	Ngưỡng đầu vào 2026
			Toán*2, Vật lí, Vẽ HHMT			điểm đầu vào do TDTU quy định.
38	7580105	Quy hoạch vùng và đô thị	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Điểm thành phần Toán $\geq 150$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học			
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí			
			Toán*2, Vật lí, Hóa học			
			Toán*2, Vật lí, Tin học			
			Toán*2, Ngữ văn, Vẽ HHMT			
			Toán*2, Tiếng Anh, Vẽ HHMT			
			Toán*2, Vật lí, Vẽ HHMT			
39	7580108	Thiết kế nội thất	Ngữ văn*2, Tiếng Anh, Vẽ HHMT	x	Vẽ HHMT hoặc Vẽ TTM $\geq 6.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng cho thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Ngữ văn*2, Vẽ HHMT, Vẽ TTM			
			Toán, Ngữ văn*2, Vẽ HHMT			
			Toán*2, Vẽ HHMT, Vẽ TTM			
			Toán, Ngữ văn*2, Vẽ TTM			
			Ngữ văn*2, Tiếng Anh, Vẽ TTM			
40	7210403	Thiết kế đồ họa	Ngữ văn*2, Tiếng Anh, Vẽ HHMT	x	Vẽ HHMT hoặc Vẽ TTM $\geq 6.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng cho thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Ngữ văn*2, Vẽ HHMT, Vẽ TTM			
			Toán, Ngữ văn*2, Vẽ HHMT			
			Toán*2, Vẽ HHMT, Vẽ TTM			
			Toán, Ngữ văn*2, Vẽ TTM			
			Ngữ văn*2, Tiếng Anh, Vẽ TTM			
41	7210404	Thiết kế thời trang	Ngữ văn*2, Tiếng Anh, Vẽ HHMT	x	Vẽ HHMT hoặc Vẽ TTM $\geq 6.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng cho thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Ngữ văn*2, Vẽ HHMT, Vẽ TTM			
			Toán, Ngữ văn*2, Vẽ HHMT			
			Toán*2, Vẽ HHMT, Vẽ TTM			
			Toán, Ngữ văn*2, Vẽ TTM			
			Ngữ văn*2, Tiếng Anh, Vẽ TTM			
42	7210408	Nghệ thuật số (Chuyên ngành Thiết kế truyền thông số)	Ngữ văn*2, Tiếng Anh, Vẽ HHMT	x	Vẽ HHMT hoặc Vẽ TTM $\geq 6.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng cho thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Ngữ văn*2, Vẽ HHMT, Vẽ TTM			
			Toán, Ngữ văn*2, Vẽ HHMT			
			Toán*2, Vẽ HHMT, Vẽ TTM			
			Toán, Ngữ văn*2, Vẽ TTM			
			Ngữ văn*2, Tiếng Anh, Vẽ TTM			
43	7810301	Quản lý thể dục thể thao (Chuyên ngành Kinh doanh thể thao và tổ chức sự kiện)	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Điểm thành phần Toán $\geq 160$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 5.5$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 5.5$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Ngữ văn, Sinh học			
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí			
			Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học			
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh			
			Toán*2, Sinh học, NK TDTT			
			Ngữ văn*2, Tiếng Anh, NK TDTT			
			Toán*2, Ngữ văn, NK TDTT			
44	7810301G	Quản lý thể dục thể thao (Chuyên ngành Golf)	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Điểm thành phần Toán $\geq 160$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 5.5$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 5.5$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Ngữ văn, Sinh học			
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí			
			Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học			
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh			
			Toán*2, Sinh học, NK TDTT			
			Ngữ văn*2, Tiếng Anh, NK TDTT			
			Toán*2, Ngữ văn, NK TDTT			
45	7810301T	Quản lý thể dục thể thao (Chuyên ngành Truyền thông và tiếp thị thể thao)	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Điểm thành phần Toán $\geq 160$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 5.5$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 5.5$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Ngữ văn, Sinh học			
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí			
			Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học			
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh			
			Toán*2, Sinh học, NK TDTT			
			Ngữ văn*2, Tiếng Anh, NK TDTT			
			Toán*2, Ngữ văn, NK TDTT			

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét điều kiện	TH gốc	Môn điều kiện	Ngưỡng đầu vào 2026
46	7850201	Bảo hộ lao động	Toán*2, Ngữ văn, Hóa học	x	Điểm thành phần Toán $\geq 150$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định (đạt tối thiểu 50% thang điểm xét)
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Sinh học			
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí			
			Toán*2, Sinh học, Hóa học			
			Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học			
			Toán*2, Vật lí, Hóa học			
Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh						
47	7440301	Khoa học môi trường	Toán*2, Ngữ văn, Hóa học	x	Điểm thành phần Toán $\geq 150$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Sinh học			
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí			
			Toán*2, Sinh học, Hóa học			
			Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học			
			Toán*2, Vật lí, Hóa học			
Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh						
48	7520320	Kỹ thuật môi trường (Chuyên ngành Môi trường và Phát triển bền vững)	Toán*2, Ngữ văn, Hóa học	x	Điểm thành phần Toán $\geq 150$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Sinh học			
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí			
			Toán*2, Sinh học, Hóa học			
			Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học			
			Toán*2, Vật lí, Hóa học			
Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh						
49	7460112	Toán ứng dụng	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Điểm thành phần Toán $\geq 160$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí			
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học			
			Toán*2, Vật lí, Hóa học			
			Toán*2, Vật lí, Tin học			
50	7460201	Thống kê	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Điểm thành phần Toán $\geq 160$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí			
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học			
			Toán*2, Vật lí, Hóa học			
			Toán*2, Vật lí, Tin học			
51	7460108	Khoa học dữ liệu	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Điểm thành phần Toán $\geq 160$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí			
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học			
			Toán*2, Vật lí, Hóa học			
			Toán*2, Vật lí, Tin học			
52	F7210403	Thiết kế đồ họa - Chương trình tiên tiến	Ngữ văn*2, Tiếng Anh, Vẽ HHMT	x	Vẽ HHMT hoặc Vẽ TTM $\geq 6.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng cho thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Ngữ văn*2, Vẽ HHMT, Vẽ TTM			
			Toán, Ngữ văn*2, Vẽ HHMT			
			Toán*2, Vẽ HHMT, Vẽ TTM			
			Toán, Ngữ văn*2, Vẽ TTM			
			Ngữ văn*2, Tiếng Anh, Vẽ TTM			
53	F7220201	Ngôn ngữ Anh - Chương trình tiên tiến	Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh	x	Điểm thành phần Tiếng Anh $\geq 180$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Tiếng Anh $\geq 6.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Tiếng Anh $\geq 6.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Ngữ văn*2, Vật lí, Tiếng Anh			
			Ngữ văn*2, Hóa học, Tiếng Anh			
			Ngữ văn*2, Sinh học, Tiếng Anh			
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh			
			Ngữ văn*2, Địa lí, Tiếng Anh			
			Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh	x		

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét điều kiện	TH gốc	Môn điều kiện	Ngưỡng đầu vào 2026
54	F7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Ngữ văn*2, Tiếng Trung, Vật lí		Điểm thành phần Tiếng Anh $\geq 160$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Tiếng Anh/hoặc Tiếng Trung $\geq 5.5$ hoặc Điểm thi THPT môn Tiếng Anh/ hoặc Tiếng Trung $\geq 5.5$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Ngữ văn*2, Vật lí, Tiếng Anh			
			Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Trung			
			Ngữ văn*2, Hóa học, Tiếng Anh			
			Ngữ văn*2, Sinh học, Tiếng Anh			
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh			
55	F7310301	Xã hội học - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Ngữ văn*2, Địa lí, Tiếng Anh	x	Điểm thành phần Tiếng Việt $\geq 150$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Ngữ Văn $\geq 5.5$ hoặc Điểm thi THPT môn Ngữ Văn $\geq 5.5$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh			
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Địa lí			
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh			
			Ngữ văn*2, Toán, Địa lí			
			Ngữ văn*2, Toán, Lịch sử			
56	F7340115	Marketing - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Điểm thành phần Tiếng Anh $\geq 180$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Tiếng Anh $\geq 6.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Tiếng Anh $\geq 6.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học			
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí			
			Toán*2, Vật lí, Hóa học			
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh			
57	F7340101	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành Quản trị nhà hàng - khách sạn) - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Điểm thành phần Tiếng Anh $\geq 180$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Tiếng Anh $\geq 6.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Tiếng Anh $\geq 6.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học			
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí			
			Toán*2, Vật lí, Hóa học			
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh			
58	F7340120	Kinh doanh quốc tế - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Điểm thành phần Tiếng Anh $\geq 180$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Tiếng Anh $\geq 6.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Tiếng Anh $\geq 6.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học			
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí			
			Toán*2, Vật lí, Hóa học			
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh			
59	F7340201	Tài chính - Ngân hàng - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Điểm thành phần Toán $\geq 160$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 5.5$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 5.5$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học			
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí			
			Toán*2, Vật lí, Hóa học			
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Tin học			
			Toán*2, Vật lí, Tin học			
			Toán*2, Hóa học, Tin học			
Toán*2, Tiếng Anh, Tin học						
60	F7340301	Kế toán - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Điểm thành phần Toán $\geq 160$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 5.5$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 5.5$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học			
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí			
			Toán*2, Vật lí, Hóa học			
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Tin học			
			Toán*2, Vật lí, Tin học			
			Toán*2, Hóa học, Tin học			
Toán*2, Tiếng Anh, Tin học						
			Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh	x		Đạt một trong các yêu cầu ngưỡng đầu vào sau: (1) Đạt ngưỡng đầu vào theo kết quả thi THPT 2026 do Bộ Giáo
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Địa lí			

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét điều kiện	TH gốc	Môn điều kiện	Ngưỡng đầu vào 2026
61	F7380101	Luật (Định hướng Luật kinh tế) - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Ngữ văn*2, Địa lí, Tiếng Anh		Điểm thành phần Tiếng Việt $\geq 180$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Ngữ Văn $\geq 6.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Ngữ Văn $\geq 6.0$	<p>đục và Đào tạo quy định và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định</p> <p>Hoặc</p> <p>(2) Đánh giá cả năm lớp 12 mức Tốt và Tổng điểm thi THPT của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) <math>\geq 18/30</math>; và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định</p> <p>Hoặc</p> <p>(3) Đánh giá cả năm lớp 12 mức Tốt và Điểm xét TN THPT <math>\geq 8.5</math>; và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định</p> <p>Thí sinh tốt nghiệp THPT trước 2026 nộp điểm thi tốt nghiệp THPT về TDTU.</p>
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh			
			Ngữ văn*2, Toán, Địa lí			
			Ngữ văn*2, Toán, Lịch sử			
			Toán, Ngữ văn*2, Hóa học			
			Toán, Ngữ văn*2, Vật lí			
62	F7380101T	Luật (Định hướng Luật thương mại quốc tế) - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh	x	Điểm thành phần Tiếng Việt $\geq 180$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Ngữ Văn $\geq 6.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Ngữ Văn $\geq 6.0$	<p>Đạt một trong các yêu cầu ngưỡng đầu vào sau:</p> <p>(1) Đạt ngưỡng đầu vào theo kết quả thi THPT 2026 do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định</p> <p>Hoặc</p> <p>(2) Đánh giá cả năm lớp 12 mức Tốt và Tổng điểm thi THPT của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) <math>\geq 18/30</math>; và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định</p> <p>Hoặc</p> <p>(3) Đánh giá cả năm lớp 12 mức Tốt và Điểm xét TN THPT <math>\geq 8.5</math>; và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định</p> <p>Thí sinh tốt nghiệp THPT trước 2026 nộp điểm thi tốt nghiệp THPT về TDTU.</p>
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Địa lí			
			Ngữ văn*2, Địa lí, Tiếng Anh			
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh			
			Ngữ văn*2, Toán, Địa lí			
			Ngữ văn*2, Toán, Lịch sử			
			Toán, Ngữ văn*2, Hóa học			
			Toán, Ngữ văn*2, Vật lí			
63	F7420201	Công nghệ sinh học - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học	x	Điểm thi THPT hoặc ĐTB 2HK lớp 12 môn Sinh học $\geq 5.0$	<p>Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) <math>\geq 15/30</math> (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.</p>
			Toán*2, Ngữ văn, Sinh học			
			Toán*2, Hóa học, Công nghệ công nghiệp			
			Toán*2, Sinh học, Công nghệ công nghiệp			
			Toán*2, Sinh học, Công nghệ nông nghiệp			
			Toán*2, Sinh học, Hóa học			
			Toán*2, Sinh học, Tin học			
			Toán*2, Vật lí, Hóa học			
			Toán*2, Sinh học, Vật lí			
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh			
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học			
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh			
Toán*2, Ngữ văn, Vật lí						
64	F7480101	Khoa học máy tính - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Điểm thành phần Toán $\geq 150$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 5.0$	<p>Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) <math>\geq 15/30</math> (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.</p>
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí			
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học			
Toán*2, Vật lí, Hóa học						
65	F7480103	Kỹ thuật phần mềm - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Điểm thành phần Toán $\geq 150$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 5.0$	<p>Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) <math>\geq 15/30</math> (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.</p>
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí			
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học			

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét điều kiện	TH gốc	Môn điều kiện	Ngưỡng đầu vào 2026
			Toán*2, Vật lí, Hóa học			
66	F7520201	Kỹ thuật điện - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Điểm thành phần Toán $\geq 150$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí			
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học			
			Toán*2, Vật lí, Hóa học			
			Toán*2, Vật lí, Tin học			
67	F7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn thông - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Điểm thành phần Toán $\geq 150$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí			
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học			
			Toán*2, Vật lí, Hóa học			
			Toán*2, Vật lí, Tin học			
68	F7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Điểm thành phần Toán $\geq 150$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí			
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học			
			Toán*2, Vật lí, Hóa học			
			Toán*2, Vật lí, Tin học			
69	F7580201	Kỹ thuật xây dựng - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Điểm thành phần Toán $\geq 150$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học			
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí			
			Toán*2, Vật lí, Hóa học			
			Toán*2, Vật lí, Tin học			
70	F7520301	Kỹ thuật hóa học - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh	x	Điểm thi THPT hoặc ĐTB 2HK lớp 12 môn Hóa học $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Công nghệ công nghiệp			
			Toán*2, Sinh học, Công nghệ công nghiệp			
			Toán*2, Hóa học, Tin học			
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học			
			Toán*2, Sinh học, Hóa học			
			Toán*2, Vật lí, Hóa học			
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh			
			Toán*2, Sinh học, Vật lí			
			Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học			
			Toán*2, Ngữ văn, Sinh học			
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí			
71	F7580101	Kiến trúc - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Toán*2, Ngữ văn, Vẽ HHMT	x	Vẽ HHMT $\geq 6.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Tiếng Anh, Vẽ HHMT			
			Toán*2, Vật lí, Vẽ HHMT			
72	N7210403	Thiết kế đồ họa - <i>Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa</i>	Ngữ văn*2, Tiếng Anh, Vẽ HHMT	x	Vẽ HHMT hoặc Vẽ TTM $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng cho thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Ngữ văn*2, Vẽ HHMT, Vẽ TTM			
			Toán, Ngữ văn*2, Vẽ HHMT			
			Toán*2, Vẽ HHMT, Vẽ TTM			
			Toán, Ngữ văn*2, Vẽ TTM			
			Ngữ văn*2, Tiếng Anh, Vẽ TTM			
73	N7220201	Ngôn ngữ Anh - <i>Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa</i>	Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh	x	Điểm thành phần Tiếng Anh $\geq 160$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Tiếng Anh $\geq 5.5$ hoặc Điểm thi THPT môn Tiếng Anh $\geq 5.5$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Ngữ văn*2, Vật lí, Tiếng Anh			
			Ngữ văn*2, Hóa học, Tiếng Anh			
			Ngữ văn*2, Sinh học, Tiếng Anh			
			Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh			
			Ngữ văn*2, Địa lí, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Điểm thành phần Tiếng Anh $> 150$ hoặc Điểm TB 2HK	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh			

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét điều kiện	TH gốc	Môn điều kiện	Ngưỡng đầu vào 2026
74	N7340115	Marketing - Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa	Toán*2, Ngữ văn, Hóa học Toán*2, Ngữ văn, Vật lí Toán*2, Vật lí, Hóa học Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Điểm thành phần Tiếng Anh $\geq 150$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Tiếng Anh $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Tiếng Anh $\geq 5.0$	(không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
75	N7340101	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành Quản trị nhà hàng - khách sạn) - Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Hóa học Toán*2, Ngữ văn, Vật lí Toán*2, Vật lí, Hóa học Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Điểm thành phần Tiếng Anh $\geq 150$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Tiếng Anh $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Tiếng Anh $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
76	N7340301	Kế toán - Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Hóa học Toán*2, Ngữ văn, Vật lí Toán*2, Vật lí, Hóa học Toán*2, Tiếng Anh, Tin học Toán*2, Vật lí, Tin học Toán*2, Hóa học, Tin học Toán*2, Tiếng Anh, Tin học	x	Điểm thành phần Toán $\geq 150$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
77	N7380101	Luật (Định hướng Luật kinh tế) - Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa	Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh Ngữ văn*2, Lịch sử, Địa lí Ngữ văn*2, Địa lí, Tiếng Anh Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh Ngữ văn*2, Toán, Địa lí Ngữ văn*2, Toán, Lịch sử Toán, Ngữ văn*2, Hóa học Toán, Ngữ văn*2, Vật lí	x	Điểm thành phần Tiếng Việt $\geq 180$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Ngữ Văn $\geq 6.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Ngữ Văn $\geq 6.0$	Đạt một trong các yêu cầu ngưỡng đầu vào sau: (1) Đạt ngưỡng đầu vào theo kết quả thi THPT 2026 do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định Hoặc (2) Đánh giá cả năm lớp 12 mức Tốt và Tổng điểm thi THPT của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 18/30$ ; và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định Hoặc (3) Đánh giá cả năm lớp 12 mức Tốt và Điểm xét TN THPT $\geq 8.5$ ; và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định Thí sinh tốt nghiệp THPT trước 2026 nộp điểm thi tốt nghiệp THPT về TDTU.
78	N7810101H	Du lịch (Chuyên ngành Hướng dẫn du lịch) - Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa	Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh Ngữ văn*2, Lịch sử, Địa lí Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh Ngữ văn*2, Toán, Địa lí Ngữ văn*2, Toán, Lịch sử Toán, Ngữ văn*2, Hóa học Toán, Ngữ văn*2, Vật lí	x	Điểm thành phần Tiếng Việt $\geq 150$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Ngữ Văn $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Ngữ Văn $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
79	N7480103	Kỹ thuật phần mềm - Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Vật lí Toán*2, Tiếng Anh, Tin học Toán*2, Vật lí, Hóa học	x	Điểm thành phần Toán $\geq 150$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
80	N7480101	Khoa học máy tính - Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Vật lí Toán*2, Tiếng Anh, Tin học Toán*2, Vật lí, Hóa học	x	Điểm thành phần Toán $\geq 150$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh	x		

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét điều kiện	TH gốc	Môn điều kiện	Ngưỡng đầu vào 2026
81	N7850201	Bảo hộ lao động - <i>Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa</i>	Toán*2, Ngữ văn, Sinh học Toán*2, Ngữ văn, Vật lí Toán*2, Sinh học, Hóa học Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học Toán*2, Vật lí, Hóa học Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh		Điểm thành phần Toán $\geq 150$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định
82	N7440301	Khoa học môi trường - <i>Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa</i>	Toán*2, Ngữ văn, Hóa học Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Sinh học Toán*2, Ngữ văn, Vật lí Toán*2, Sinh học, Hóa học Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học Toán*2, Vật lí, Hóa học Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Điểm thành phần Toán $\geq 150$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định
83	N7340408	Quan hệ lao động (Chuyên ngành Hành vi tổ chức) - <i>Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa</i>	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Hóa học Toán*2, Ngữ văn, Vật lí Toán*2, Vật lí, Hóa học Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh Toán*2, Lịch sử, Tiếng Anh	x	Điểm thành phần Toán $\geq 150$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
84	N7580302	Quản lý xây dựng - <i>Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa</i>	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Hóa học Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Vật lí Toán*2, Vật lí, Hóa học Toán*2, Vật lí, Tin học	x	Điểm thành phần Toán $\geq 150$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
85	N7580101	Kiến trúc - <i>Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa</i>	Toán*2, Ngữ văn, Vẽ HHMT Toán*2, Tiếng Anh, Vẽ HHMT Toán*2, Vật lí, Vẽ HHMT	x	Vẽ HHMT $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
86	N7810301	Quản lý thể dục thể thao (Chuyên ngành Kinh doanh thể thao và tổ chức sự kiện) - <i>Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa</i>	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Sinh học Toán*2, Ngữ văn, Vật lí Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh Toán*2, Sinh học, NK TDTT Ngữ văn*2, Tiếng Anh, NK TDTT Toán*2, Ngữ văn, NK TDTT	x	Điểm thành phần Toán $\geq 150$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
87	N7340201	Tài chính - Ngân hàng - <i>Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa</i>	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Hóa học Toán*2, Ngữ văn, Vật lí Toán*2, Vật lí, Hóa học Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Tin học Toán*2, Vật lí, Tin học Toán*2, Hóa học, Tin học Toán*2, Tiếng Anh, Tin học	x	Điểm thành phần Toán $\geq 150$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
88	FA7220201	Ngôn ngữ Anh - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>	Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh Ngữ văn*2, Vật lí, Tiếng Anh Ngữ văn*2, Hóa học, Tiếng Anh Ngữ văn*2, Sinh học, Tiếng Anh Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh Ngữ văn*2, Địa lí, Tiếng Anh Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài	x	Điểm thành phần Tiếng Anh $\geq 160$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Tiếng Anh $\geq 5.5$ hoặc Điểm thi THPT môn Tiếng Anh $\geq 5.5$ và IELTS $\geq 5.0$ (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh	x		

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét điều kiện	TH gốc	Môn điều kiện	Ngưỡng đầu vào 2026
89	FA7340115	Marketing - Chương trình đại học bằng tiếng Anh	Toán*2, Ngữ văn, Hóa học Toán*2, Ngữ văn, Vật lí Toán*2, Vật lí, Hóa học Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài		Điểm thành phần Tiếng Anh $\geq 180$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Tiếng Anh $\geq 6.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Tiếng Anh $\geq 6.0$ và IELTS $\geq 5.0$ (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
90	FA7340101	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành: Quản trị nhà hàng - khách sạn) - Chương trình đại học bằng tiếng Anh	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Hóa học Toán*2, Ngữ văn, Vật lí Toán*2, Vật lí, Hóa học Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài	x	Điểm thành phần Tiếng Anh $\geq 180$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Tiếng Anh $\geq 6.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Tiếng Anh $\geq 6.0$ và IELTS $\geq 5.0$ (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
91	FA7340120	Kinh doanh quốc tế - Chương trình đại học bằng tiếng Anh	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Hóa học Toán*2, Ngữ văn, Vật lí Toán*2, Vật lí, Hóa học Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài	x	Điểm thành phần Tiếng Anh $\geq 180$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Tiếng Anh $\geq 6.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Tiếng Anh $\geq 6.0$ và IELTS $\geq 5.0$ (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
92	FA7420201	Công nghệ sinh học - Chương trình đại học bằng tiếng Anh	Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học Toán*2, Ngữ văn, Sinh học Toán*2, Hóa học, Công nghệ công nghiệp Toán*2, Sinh học, Công nghệ công nghiệp Toán*2, Sinh học, Công nghệ nông nghiệp Toán*2, Sinh học, Hóa học Toán*2, Sinh học, Tin học Toán*2, Vật lí, Hóa học Toán*2, Sinh học, Vật lí Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Hóa học Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Vật lí Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài	x	Điểm thi THPT hoặc ĐTB 2HK lớp 12 môn Sinh học $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.0$ (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
93	FA7480101	Khoa học máy tính - Chương trình đại học bằng tiếng Anh	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Vật lí Toán*2, Tiếng Anh, Tin học Toán*2, Vật lí, Hóa học Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài	x	Điểm thành phần Toán $\geq 150$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.0$ (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
94	FA7480103	Kỹ thuật phần mềm - Chương trình đại học bằng tiếng Anh	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Vật lí Toán*2, Tiếng Anh, Tin học Toán*2, Vật lí, Hóa học Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài	x	Điểm thành phần Toán $\geq 150$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.0$ (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x		Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét điều kiện	TH gốc	Môn điều kiện	Ngưỡng đầu vào 2026
95	FA7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa - Chương trình đại học bằng tiếng Anh	Toán*2, Ngữ văn, Vật lý Toán*2, Tiếng Anh, Tin học Toán*2, Vật lý, Hóa học Toán*2, Vật lý, Tin học Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài		Điểm thành phần Toán $\geq 150$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.0$ (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
96	FA7580201	Kỹ thuật xây dựng - Chương trình đại học bằng tiếng Anh	Toán*2, Vật lý, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Hóa học Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Vật lý Toán*2, Vật lý, Hóa học Toán*2, Vật lý, Tin học Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài	x	Điểm thành phần Toán $\geq 150$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.0$ (tương đương)	- TS tốt nghiệp THPT 2026: Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp (không nhân hệ số) hoặc Toán + Văn + môn khác $\geq 15/30$ và đạt ngưỡng điểm do Trường quy định. - TS tốt nghiệp THPT trước 2026: đạt ngưỡng điểm do Trường quy định.
97	FA7340301	Kế toán (Chuyên ngành: Kế toán quốc tế) - Chương trình đại học bằng tiếng Anh	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Hóa học Toán*2, Ngữ văn, Vật lý Toán*2, Vật lý, Hóa học Toán*2, Vật lý, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Tin học Toán*2, Vật lý, Tin học Toán*2, Hóa học, Tin học Toán*2, Tiếng Anh, Tin học Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài	x	Điểm thành phần Toán $\geq 150$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.0$ (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
98	FA7340201	Tài chính ngân hàng - Chương trình đại học bằng tiếng Anh	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Hóa học Toán*2, Ngữ văn, Vật lý Toán*2, Vật lý, Hóa học Toán*2, Vật lý, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Tin học Toán*2, Vật lý, Tin học Toán*2, Hóa học, Tin học Toán*2, Tiếng Anh, Tin học Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài	x	Điểm thành phần Toán $\geq 150$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.0$ (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
99	D7340115	Marketing - Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Hóa học Toán*2, Ngữ văn, Vật lý Toán*2, Vật lý, Hóa học Toán*2, Vật lý, Tiếng Anh Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài	x	Điểm thành phần Tiếng Anh $\geq 180$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Tiếng Anh $\geq 6.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Tiếng Anh $\geq 6.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
100	D7340101	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành: Quản trị nhà hàng - khách sạn) - Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Hóa học Toán*2, Ngữ văn, Vật lý Toán*2, Vật lý, Hóa học Toán*2, Vật lý, Tiếng Anh Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài	x	Điểm thành phần Tiếng Anh $\geq 180$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Tiếng Anh $\geq 6.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Tiếng Anh $\geq 6.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Hóa học	x	Điểm thành phần Tiếng Anh $\geq 180$ hoặc Điểm TB 2HK	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét điều kiện	TH gốc	Môn điều kiện	Ngưỡng đầu vào 2026
101	D7340120	Kinh doanh quốc tế - <i>Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh</i>	Toán*2, Ngữ văn, Vật lí Toán*2, Vật lí, Hóa học Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài		Điểm thành phần Tiếng Anh $\geq 100$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Tiếng Anh $\geq 6.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Tiếng Anh $\geq 6.0$	(không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
102	D7420201	Công nghệ sinh học - <i>Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh</i>	Toán*2, Tiếng Anh, Sinh học Toán*2, Ngữ văn, Sinh học Toán*2, Hóa học, Công nghệ công nghiệp Toán*2, Sinh học, Công nghệ công nghiệp Toán*2, Sinh học, Công nghệ nông nghiệp Toán*2, Sinh học, Hóa học Toán*2, Sinh học, Tin học Toán*2, Vật lí, Hóa học Toán*2, Sinh học, Vật lí Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Hóa học Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Vật lí Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài	x	Điểm thi THPT hoặc ĐTB 2HK lớp 12 môn Sinh học $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
103	D7480101	Khoa học máy tính - <i>Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh</i>	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Vật lí Toán*2, Tiếng Anh, Tin học Toán*2, Vật lí, Hóa học Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài	x	Điểm thành phần Toán $\geq 150$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
104	D7480103	Kỹ thuật phần mềm - <i>Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh</i>	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Vật lí Toán*2, Tiếng Anh, Tin học Toán*2, Vật lí, Hóa học Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài	x	Điểm thành phần Toán $\geq 150$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
105	D7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa - <i>Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh</i>	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Vật lí Toán*2, Tiếng Anh, Tin học Toán*2, Vật lí, Hóa học Toán*2, Vật lí, Tin học Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài	x	Điểm thành phần Toán $\geq 150$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
106	D7580201	Kỹ thuật xây dựng - <i>Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh</i>	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Hóa học Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Vật lí Toán*2, Vật lí, Hóa học Toán*2, Vật lí, Tin học Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài	x	Điểm thành phần Toán $\geq 150$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 5.0$	- TS tốt nghiệp THPT 2026: Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp (không nhân hệ số) hoặc Toán + Văn + môn khác $\geq 15/30$ và đạt ngưỡng điểm do Trường quy định. - TS tốt nghiệp THPT trước 2026: đạt ngưỡng điểm do Trường quy định.
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Hóa học	x		

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét điều kiện	TH gốc	Môn điều kiện	Ngưỡng đầu vào 2026
107	D7340301	Kế toán (Chuyên ngành: Kế toán quốc tế) - Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh	Toán*2, Ngữ văn, Vật lí Toán*2, Vật lí, Hóa học Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Tin học Toán*2, Vật lí, Tin học Toán*2, Hóa học, Tin học Toán*2, Tiếng Anh, Tin học Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài		Điểm thành phần Toán $\geq 150$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 5.0$	- TS tốt nghiệp THPT 2026: Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp (không nhân hệ số) hoặc Toán + Văn + môn khác $\geq 15/30$ và đạt ngưỡng điểm do Trường quy định. - TS tốt nghiệp THPT trước 2026: đạt ngưỡng điểm do Trường quy định.
108	D7340201	Tài chính ngân hàng - Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Hóa học Toán*2, Ngữ văn, Vật lí Toán*2, Vật lí, Hóa học Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Tin học Toán*2, Vật lí, Tin học Toán*2, Hóa học, Tin học Toán*2, Tiếng Anh, Tin học Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT hoặc kết quả học tập THPT nước ngoài	x	Điểm thành phần Toán $\geq 150$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
109	K7340101	Quản trị kinh doanh (song bằng 2+2) - Chương trình liên kết Trường Đại học Kinh tế và Kinh doanh Praha (Cộng hòa Séc)	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Hóa học Toán*2, Ngữ văn, Vật lí Toán*2, Vật lí, Hóa học Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn	x	Điểm thành phần Tiếng Anh $\geq 150$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Tiếng Anh $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Tiếng Anh $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
110	K7340101N	Quản trị nhà hàng - khách sạn (song bằng 2,5+1,5) - Chương trình liên kết Đại học Taylor's (Malaysia)	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Hóa học Toán*2, Ngữ văn, Vật lí Toán*2, Vật lí, Hóa học Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn	x	Điểm thành phần Tiếng Anh $\geq 150$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Tiếng Anh $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Tiếng Anh $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
111	K7340201C	Tài chính và kiểm soát (song bằng 3+1, đơn bằng 2+2) - Chương trình liên kết Đại học khoa học ứng dụng Saxion (Hà Lan)	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Hóa học Toán*2, Ngữ văn, Vật lí Toán*2, Vật lí, Hóa học Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Tin học Toán*2, Vật lí, Tin học Toán*2, Hóa học, Tin học Toán*2, Tiếng Anh, Tin học Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn	x	Điểm thành phần Toán $\geq 150$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
		Kế toán (song bằng 3+1) - Chương trình liên kết Đại học	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Hóa học Toán*2, Ngữ văn, Vật lí Toán*2, Vật lí, Hóa học	x		Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét điều kiện	TH gốc	Môn điều kiện	Ngưỡng đầu vào 2026
112	K7340301C	Chương trình liên kết Đại học West of England, Bristol (Vương quốc Anh); Chương trình liên kết Đại học khoa học ứng dụng Saxion (Hà Lan)	Toán*2, Vật lý, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Tin học Toán*2, Vật lý, Tin học Toán*2, Hóa học, Tin học Toán*2, Tiếng Anh, Tin học Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn		Điểm thành phần Toán $\geq 150$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
113	K7520201	Kỹ thuật điện – điện tử (song bằng 2+2) - Chương trình liên kết Đại học khoa học ứng dụng Saxion (Hà Lan)	Toán*2, Vật lý, Tiếng Anh Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Vật lý Toán*2, Tiếng Anh, Tin học Toán*2, Vật lý, Hóa học Toán*2, Vật lý, Tin học Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn	x	Điểm thành phần Toán $\geq 150$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
114	K7580201	Kỹ thuật xây dựng (song bằng 2+2) - Chương trình liên kết Đại học La Trobe (Úc)	Toán*2, Vật lý, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Hóa học Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Vật lý Toán*2, Vật lý, Hóa học Toán*2, Vật lý, Tin học Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn	x	Điểm thành phần Toán $\geq 150$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	- TS tốt nghiệp THPT 2026: Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp (không nhân hệ số) hoặc Toán + Văn + môn khác $\geq 15/30$ và đạt ngưỡng điểm do Trường quy định. - TS tốt nghiệp THPT trước 2026: đạt ngưỡng điểm do Trường quy định.
115	K7480101L	Công nghệ thông tin (song bằng 2+2) - Chương trình liên kết Đại học La Trobe (Úc)	Toán*2, Vật lý, Tiếng Anh Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Vật lý Toán*2, Tiếng Anh, Tin học Toán*2, Vật lý, Hóa học Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn	x	Điểm thành phần Toán $\geq 150$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
116	K7340120L	Kinh doanh quốc tế (song bằng 3+1) - Chương trình liên kết Đại học La Trobe (Úc)	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Hóa học Toán*2, Ngữ văn, Vật lý Toán*2, Vật lý, Hóa học Toán*2, Vật lý, Tiếng Anh Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn	x	Điểm thành phần Tiếng Anh $\geq 150$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Tiếng Anh $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Tiếng Anh $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
117	K7480101T	Khoa học máy tính (đơn bằng 2+2) - Chương trình liên kết Đại học Kỹ thuật Ostrava (CH Séc)	Toán*2, Vật lý, Tiếng Anh Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Vật lý Toán*2, Tiếng Anh, Tin học Toán*2, Vật lý, Hóa học Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn	x	Điểm thành phần Toán $\geq 150$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
		Quản trị kinh doanh toàn cầu (đơn bằng 2+2) - Chương trình liên kết	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Hóa học Toán*2, Ngữ văn, Vật lý	x	Điểm thành phần Tiếng Anh $\geq 150$ hoặc Điểm TB 2HK	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét điều kiện	TH gốc	Môn điều kiện	Ngưỡng đầu vào 2026
118	K7340101E	Đơn bằng 2+2) - Chương trình liên kết Trường Kinh doanh Emlyon (Pháp)	Toán*2, Vật lí, Hóa học Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn		lớp 12 môn Tiếng Anh $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Tiếng Anh $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	(không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
119	K7340101D	Kinh doanh toàn cầu (đơn bằng 2,5+1,5) - Chương trình liên kết Trường đại học Văn hóa Trung Quốc (Đài Loan)	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Hóa học Toán*2, Ngữ văn, Vật lí Toán*2, Vật lí, Hóa học Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn	x	Điểm thành phần Tiếng Anh $\geq 150$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Tiếng Anh $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Tiếng Anh $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
120	K7340101M	Kinh doanh (Tài chính, Kinh doanh quốc tế, Marketing, Kế toán, Quản trị nguồn nhân lực & Quan hệ lao động) (đơn bằng 2+1,5) - Chương trình liên kết Đại học Massey (New Zealand)	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Hóa học Toán*2, Ngữ văn, Vật lí Toán*2, Vật lí, Hóa học Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn	x	Điểm thành phần Tiếng Anh $\geq 150$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Tiếng Anh $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Tiếng Anh $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
121	K7340120T	Thương mại (Tài chính, Kinh doanh quốc tế, Marketing, Phân tích kinh doanh) (đơn bằng 1,5+2, đơn bằng 2,5+1) - Chương trình liên kết Đại học Macquarie (Úc)	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Hóa học Toán*2, Ngữ văn, Vật lí Toán*2, Vật lí, Hóa học Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn	x	Điểm thành phần Tiếng Anh $\geq 150$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Tiếng Anh $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Tiếng Anh $\geq 5.0$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
122	K7220201	Ngôn ngữ Anh (đơn bằng 3+1) - Chương trình liên kết Đại học West of England, Bristol (Vương quốc Anh)	Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh Ngữ văn*2, Vật lí, Tiếng Anh Ngữ văn*2, Hóa học, Tiếng Anh Ngữ văn*2, Sinh học, Tiếng Anh Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh Ngữ văn*2, Địa lí, Tiếng Anh Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn	x	Điểm thành phần Tiếng Anh $\geq 160$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Tiếng Anh $\geq 5.5$ hoặc Điểm thi THPT môn Tiếng Anh $\geq 5.5$ và IELTS $\geq 5.5$ (tương đương)	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
123	K7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc (song bằng 2+2) - Chương trình liên kết Đại học Sư phạm Thượng Hải (Trung Quốc)	Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Anh Ngữ văn*2, Tiếng Trung, Vật lí Ngữ văn*2, Vật lí, Tiếng Anh Toán, Ngữ văn*2, Tiếng Trung Ngữ văn*2, Hóa học, Tiếng Anh Ngữ văn*2, Sinh học, Tiếng Anh Ngữ văn*2, Lịch sử, Tiếng Anh Ngữ văn*2, Địa lí, Tiếng Anh Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn	x	Điểm thành phần Tiếng Anh $\geq 160$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Tiếng Anh/hoặc Tiếng Trung $\geq 5.5$ hoặc Điểm thi THPT môn Tiếng Anh/ hoặc Tiếng Trung $\geq 5.5$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
		Quản trị kinh doanh (song bằng 2+2) - Chương trình liên kết Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (Việt Nam)	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Hóa học Toán*2, Ngữ văn, Vật lí	x	Điểm thành phần Tiếng Anh $\geq 150$ hoặc Điểm TB 2HK	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét điều kiện	TH gốc	Môn điều kiện	Ngưỡng đầu vào 2026
124	P7340101	2+2) - Chương trình dự bị Trường Đại học Kinh tế và Kinh doanh Praha (Cộng Hòa Séc)	Toán*2, Vật lý, Hóa học Toán*2, Vật lý, Tiếng Anh Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn		lớp 12 môn Tiếng Anh $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Tiếng Anh $\geq 5.0$	(không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
125	P7340101N	Quản trị nhà hàng - khách sạn (song bằng 2,5+1,5) - Chương trình dự bị liên kết Đại học Taylor's (Malaysia)	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Hóa học Toán*2, Ngữ văn, Vật lý Toán*2, Vật lý, Hóa học Toán*2, Vật lý, Tiếng Anh Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn	x	Điểm thành phần Tiếng Anh $\geq 150$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Tiếng Anh $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Tiếng Anh $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
126	P7340201C	Tài chính và kiểm soát (song bằng 3+1, đơn bằng 2+2) - Chương trình dự bị liên kết Đại học khoa học ứng dụng Saxion (Hà Lan)	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Hóa học Toán*2, Ngữ văn, Vật lý Toán*2, Vật lý, Hóa học Toán*2, Vật lý, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Tin học Toán*2, Vật lý, Tin học Toán*2, Hóa học, Tin học Toán*2, Tiếng Anh, Tin học Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn	x	Điểm thành phần Toán $\geq 150$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
127	P7340301C	Kế toán (song bằng 3+1) - Chương trình dự bị liên kết Đại học West of England, Bristol (Vương quốc Anh); Chương trình dự bị liên kết Đại học khoa học ứng dụng Saxion (Hà Lan)	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Hóa học Toán*2, Ngữ văn, Vật lý Toán*2, Vật lý, Hóa học Toán*2, Vật lý, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Tin học Toán*2, Vật lý, Tin học Toán*2, Hóa học, Tin học Toán*2, Tiếng Anh, Tin học Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn	x	Điểm thành phần Toán $\geq 150$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
128	P7520201	Kỹ thuật điện - điện tử (song bằng 2,5+1,5) - Chương trình dự bị liên kết Đại học khoa học ứng dụng Saxion (Hà Lan)	Toán*2, Vật lý, Tiếng Anh Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Vật lý Toán*2, Tiếng Anh, Tin học Toán*2, Vật lý, Hóa học Toán*2, Vật lý, Tin học Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn	x	Điểm thành phần Toán $\geq 150$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
129	P7580201	Kỹ thuật xây dựng (song bằng 2+2) - Chương trình dự bị liên kết Đại học La Trobe (Úc)	Toán*2, Vật lý, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Hóa học Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh Toán*2, Ngữ văn, Vật lý Toán*2, Vật lý, Hóa học Toán*2, Vật lý, Tin học	x	Điểm thành phần Toán $\geq 150$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 5.0$	- TS tốt nghiệp THPT 2026: Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp (không nhân hệ số) hoặc Toán + Văn + môn khác $\geq 15/30$ và đạt ngưỡng điểm do Trường quy định. - TS tốt nghiệp THPT trước 2026: đạt ngưỡng điểm do Trường quy định.

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét điều kiện	TH gốc	Môn điều kiện	Ngưỡng đầu vào 2026
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn			định.
130	P7480101L	Công nghệ thông tin (song bằng 2+2) - <i>Chương trình dự bị liên kết Đại học La Trobe (Úc)</i>	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Điểm thành phần Toán $\geq 150$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí			
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học			
			Toán*2, Vật lí, Hóa học			
		Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn				
131	P7340120L	Kinh doanh quốc tế (song bằng 3 +1) - <i>Chương trình dự bị liên kết Đại học La Trobe (Úc)</i>	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Điểm thành phần Tiếng Anh $\geq 150$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Tiếng Anh $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Tiếng Anh $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học			
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí			
			Toán*2, Vật lí, Hóa học			
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh			
		Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn				
132	P7480101T	Khoa học máy tính (đơn bằng 2+2) - <i>Chương trình dự bị liên kết Đại học Kỹ thuật Ostrava (CH Séc)</i>	Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh	x	Điểm thành phần Toán $\geq 150$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Toán $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Toán $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí			
			Toán*2, Tiếng Anh, Tin học			
			Toán*2, Vật lí, Hóa học			
		Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn				
133	P7340101E	Quản trị kinh doanh toàn cầu (đơn bằng 2+2) - <i>Chương trình dự bị liên kết Trường Kinh doanh Emlyon (Pháp)</i>	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Điểm thành phần Tiếng Anh $\geq 150$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Tiếng Anh $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Tiếng Anh $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học			
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí			
			Toán*2, Vật lí, Hóa học			
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh			
		Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn				
134	P7340101M	Kinh doanh (Tài chính, Kinh doanh quốc tế, Marketing, Kế toán, Quản trị nguồn nhân lực & Quan hệ lao động) (đơn bằng 2+1,5) - <i>Chương trình dự bị liên kết Đại học Massey (New Zealand)</i>	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Điểm thành phần Tiếng Anh $\geq 150$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Tiếng Anh $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Tiếng Anh $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học			
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí			
			Toán*2, Vật lí, Hóa học			
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh			
		Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn				
135	P7340101D	Kinh doanh toàn cầu (đơn bằng 2,5+1,5) - <i>Chương trình dự bị liên kết Trường đại học Văn hóa Trung Quốc (Đài Loan)</i>	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Điểm thành phần Tiếng Anh $\geq 150$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Tiếng Anh $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Tiếng Anh $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học			
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí			
			Toán*2, Vật lí, Hóa học			
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh			
		Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn				

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét điều kiện	TH gốc	Môn điều kiện	Ngưỡng đầu vào 2026
136	P7340120T	Thương mại (Tài chính, Kinh doanh quốc tế, Marketing, Phân tích kinh doanh) (đơn bằng 1,5+2, đơn bằng 2,5+1) - <i>Chương trình dự bị liên kết Đại học Macquarie (Úc)</i>	Toán*2, Ngữ văn, Tiếng Anh	x	Điểm thành phần Tiếng Anh $\geq 150$ hoặc Điểm TB 2HK lớp 12 môn Tiếng Anh $\geq 5.0$ hoặc Điểm thi THPT môn Tiếng Anh $\geq 5.0$	Tổng điểm thi THPT 2026 của 3 môn trong tổ hợp xét tuyển PT1 (không nhân hệ số) hoặc điểm 3 môn (Toán + Văn + môn khác) $\geq 15/30$ (áp dụng với thí sinh tốt nghiệp năm 2026) và đạt ngưỡng điểm đầu vào do TDTU quy định.
			Toán*2, Hóa học, Tiếng Anh			
			Toán*2, Ngữ văn, Hóa học			
			Toán*2, Ngữ văn, Vật lí			
			Toán*2, Vật lí, Hóa học			
			Toán*2, Vật lí, Tiếng Anh			
			Chứng chỉ quốc tế SAT, ACT; kết quả học tập THPT nước ngoài hoặc bài phỏng vấn			



## PHỤ LỤC 4 - DANH MỤC CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2026

- Các chứng chỉ có giá trị từ ngày 01/10/2024 và còn giá trị đến ngày 01/10/2026.
- Các chứng chỉ ngoại ngữ theo bảng dưới được đánh giá theo hình thức thi trực tiếp (thi trực tiếp tại địa điểm thi).

### 1. Danh mục chứng chỉ tiếng Anh

IELTS	TOEFL iBT	Cambridge Exams	Cambridge Linguaskill	TOEIC (4 kỹ năng)			Aptis ESOL	Vstep (dành cho LKQT)	PTE (dành cho LKQT)	Điểm quy đổi thang điểm 10 (*)	CEFR
				Nghe & Đọc	Viết	Nói					
5	≥ 60	B1 Preliminary; B2 First ≥ 140	≥ 140	≥ 550	≥ 120	≥ 120	General ≥ 117; Advanced ≥ 84	Bậc 3 - 5.5 (Không có kỹ năng nào dưới 5.0)	≥ 36	7.0	B1
5.5	≥ 70	B1 Preliminary; B2 First; C1 Advanced; C2 Proficiency ≥ 160	≥ 160	≥ 600	≥ 150	≥ 160	General ≥ 153; Advanced ≥ 126 (tất cả kỹ năng đạt trình độ B1)	Bậc 4 - 6.0 (Không có kỹ năng nào dưới 5.5)	≥ 42	8.0	B2
6	≥ 75	B2 First; C1 Advanced; C2 Proficiency ≥ 169	≥ 169	≥ 650	≥ 160	≥ 170	General ≥ 160; Advanced ≥ 140 (tất cả kỹ năng đạt trình độ B2)	Bậc 4 - 7.0 (Không có kỹ năng nào dưới 6.0)	≥ 52	8.5	B2
6.5	≥ 80	B2 First; C1 Advanced; C2 Proficiency ≥ 180	≥ 174	≥ 700	≥ 165	≥ 175	General ≥ 168; Advanced ≥ 166 (tất cả kỹ năng đạt trình độ B2)	Bậc 5 - 6.5 (Không có kỹ năng nào dưới 6.5)	≥ 58	9.0	B2
7	≥ 95	C1 Advanced; C2 Proficiency ≥ 185	≥ 180	≥ 800	≥ 170	≥ 180	General ≥ 184; Advanced ≥ 178 (tất cả kỹ năng đạt trình độ C1)	Bậc 5 - 7.0 (Không có kỹ năng nào dưới 7.0)	≥ 65	10	C1
7.5	≥ 100	C1 Advanced; C2 Proficiency ≥ 190	≥ 190	≥ 850	≥ 175	≥ 185		Bậc 5 - 7.5 (Không có kỹ năng nào dưới 7.5)		10	C1
8	≥ 110	C1 Advanced; C2 Proficiency ≥ 200	≥ 198	≥ 900	≥ 180	≥ 190		Bậc 5 - 8.0 (Không có kỹ năng nào dưới 8.0)		10	C2
8.5	≥ 114	C1 Advanced; C2 Proficiency ≥ 205	≥ 203					Bậc 6 - 8.5 (Không có kỹ năng nào dưới 8.0)		10	C2
9	≥ 118	C1 Advanced; C2 Proficiency ≥ 209	≥ 208					Bậc 6 - 9.0 (Không có kỹ năng nào dưới 8.5)		10	C2

(\*) Điểm quy đổi thang 10: thay thế điểm thi tốt nghiệp THPT môn tiếng Anh.

## 2. Danh mục chứng chỉ tiếng Trung Quốc

Cấp	CC HSK	TOCFL	Quy đổi thang điểm 10
	Điểm số	Điểm số	
Cấp 3	180 - 240	970 - 1047	7.0
	241 - 300	1048 - 1124	8.0
Cấp 4	180 - 240	1125 - 1167	8.5
	241 - 300	1168 - 1209	9.0
Cấp 5	≥180	1210 - 1344	10.0
Cấp 6	≥180	≥ 1345	10.0

(\*\*) Điểm quy đổi thang 10: thay thế điểm thi tốt nghiệp THPT môn tiếng Trung Quốc.



## PHỤ LỤC 5 - QUY ĐỊNH ĐIỂM ƯU TIÊN KHU VỰC, ĐỐI TƯỢNG NĂM 2026

Đối tượng	Điểm cộng thang 30	Điểm cộng thang 100	Điểm cộng thang 1200	Lưu ý
<b>1. Khu vực ưu tiên</b>				<p><b>1. Phương thức 1 :</b> Điểm ưu tiên khu vực, đối tượng đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 75,00 (thang 100) trở lên được xác định theo công thức sau:</p> <p><i>Điểm ưu tiên = [(100 - Điểm năng lực - Điểm cộng)/25] x (Điểm ưu tiên khu vực + Điểm ưu tiên đối tượng).</i></p>
KV 1	0.75	$0.75 \cdot 10/3$	$0.75 \cdot 40$	
KV 2NT	0.5	$0.5 \cdot 10/3$	$0.5 \cdot 40$	
KV 2	0.25	$0.25 \cdot 10/3$	$0.25 \cdot 40$	
KV 3	0	0	0	
<b>2. Đối tượng ưu tiên</b>				<p><b>2. Phương thức 2:</b> Điểm ưu tiên khu vực, đối tượng đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 900 (thang 1200) trở lên được xác định theo công thức sau:</p> <p><i>Điểm ưu tiên (thang 1200) = [(1200 - Tổng điểm)/300] x Mức điểm ưu tiên khu vực, đối tượng.</i></p>
01	2	$2 \cdot 10/3$	$2 \cdot 40$	
02	2	$2 \cdot 10/3$	$2 \cdot 40$	
03	2	$2 \cdot 10/3$	$2 \cdot 40$	
04	1	$1 \cdot 10/3$	$1 \cdot 40$	
05	1	$1 \cdot 10/3$	$1 \cdot 40$	
06	1	$1 \cdot 10/3$	$1 \cdot 40$	



## PHỤ LỤC 6 - QUY ĐỊNH ĐIỂM THƯỞNG PHƯƠNG THỨC 1 - NĂM 2026

Đối tượng	Điểm cộng thang 100	
<b>1.</b> Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển		
	01	10
	02	8
	03	6
<b>2.</b> Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba kỳ thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm nếu được xét tuyển		
	01	10
	02	8
	03	6
<b>4.</b> Thí sinh đạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về mỹ thuật được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận dự tuyển vào nhóm ngành mỹ thuật ứng dụng; thời gian đạt giải không quá 04 năm tính tới thời điểm xét tuyển.	6	
<b>3.</b> Thí sinh tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải quốc tế chính thức được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ, gồm có: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thể vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á dự tuyển vào ngành Quản lý thể dục thể thao; thời gian đạt giải không quá 04 năm, tính đến thời điểm xét tuyển	6	
<b>6.</b> Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế do Bộ GDĐT cử tham gia; dự tuyển vào các chương trình đào tạo phù hợp với nghề đã đạt giải; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính đến thời điểm xét tuyển.		
	01	10
	02	8
	03	6

### Lưu ý:

- Điểm thưởng mục 1, 2 được xét cộng cho các ngành xét tuyển theo từng môn/lĩnh vực dự thi của thí sinh quy định trong Phụ lục 8.
- Thí sinh được cộng tối đa 10,00 điểm (theo thang điểm 100).



## PHỤ LỤC 7 - QUY ĐỊNH ĐIỂM XÉT THƯỞNG PHƯƠNG THỨC 1 - NĂM 2026

Đối tượng	Điểm xét thưởng thang 100
<b>1. Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi tỉnh/thành phố; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển</b>	
01	5
02	4
03	3
<b>2. Thí sinh có kết quả trung bình chung đánh giá mức tốt cả năm lớp 10,11,12</b>	1
<b>3. Thí sinh đạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia dự tuyển vào chương trình đào tạo phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi đã đạt giải; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính theo năm đến thời điểm xét tuyển</b>	5
<b>4. Thí sinh đạt giải khuyến khích cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia dự tuyển vào chương trình đào tạo phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi đã đạt giải; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính theo năm đến thời điểm xét tuyển</b>	5
<b>5. Thí sinh đạt huy chương vàng, bạc, đồng các giải thể dục thể thao cấp quốc gia tổ chức một lần trong năm và thí sinh được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là vận động viên kiện tướng quốc gia dự tuyển vào ngành Quản lý thể dục thể thao; thời gian đạt giải không quá 04 năm tính theo năm đến thời điểm xét tuyển</b>	
Vàng	5
Bạc	4
Đồng	3
<b>6. Thí sinh đạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp chính thức toàn quốc về mỹ thuật dự tuyển vào nhóm ngành mỹ thuật ứng dụng; thời gian đạt giải không quá 04 năm tính tới thời điểm xét tuyển</b>	3
<b>7. Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba tại các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế dự tuyển vào các chương trình đào tạo phù hợp với nghề đã đạt giải; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính theo năm đến thời điểm xét tuyển</b>	
01	5
02	4
03	3

### Lưu ý:

- Thí sinh đoạt đồng thời nhiều thành tích ở các mục 1 và 3 chỉ được cộng điểm xét thưởng cao nhất.
- Điểm xét thưởng mục 1, 3, 4 được xét cộng cho các ngành xét tuyển theo từng môn/lĩnh vực dự thi của thí sinh quy định trong Phụ lục 8.
- Thí sinh được cộng tối đa 5,00 điểm (theo thang điểm 100).

**PHỤ LỤC 8 - DANH MỤC CHIA MÔN/LĨNH VỰC ĐẠT GIẢI THEO  
NGÀNH ĐƯỢC CỘNG ĐIỂM PHƯƠNG THỨC 1  
NĂM 2026**

STT	Tên ngành	Lĩnh vực ưu tiên xét tuyển cho học sinh đạt giải trong cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia	Môn ưu tiên xét tuyển cho học sinh đạt giải trong cuộc thi học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố, quốc gia
1	Bảo hộ lao động	Khoa học động vật	Toán - Anh - Sinh - Hóa
		Hóa Sinh	
		Y Sinh và khoa học Sức khỏe	
		Sinh học tế bào và phân tử	
		Hóa học	
		Sinh học trên máy tính và Sinh -Tin	
		Năng lượng: Hóa học	
		Khoa học vật liệu	
		Vi Sinh	
		Khoa học Thực vật	
		Năng lượng: Vật lý	
		Vật lý và Thiên văn	
		Khoa học Trái đất và Môi trường	
		Kỹ thuật môi trường	
Toán học			
2	Kỹ thuật môi trường	Khoa học động vật	Toán - Anh - Sinh - Hóa
		Hóa Sinh	
		Y Sinh và khoa học Sức khỏe	
		Sinh học tế bào và phân tử	
		Hóa học	
		Sinh học trên máy tính và Sinh -Tin	
		Năng lượng: Hóa học	
		Khoa học vật liệu	
		Vi Sinh	
		Khoa học Thực vật	
		Năng lượng: Vật lý	
		Vật lý và Thiên văn	
		Khoa học Trái đất và Môi trường	
		Kỹ thuật môi trường	
Toán học			
3	Khoa học môi trường	Khoa học động vật	Toán - Anh - Sinh - Hóa
		Hóa Sinh	
		Y Sinh và khoa học Sức khỏe	
		Sinh học tế bào và phân tử	
		Hóa học	
		Sinh học trên máy tính và Sinh -Tin	
		Năng lượng: Hóa học	
		Khoa học vật liệu	
		Vi Sinh	
		Khoa học Thực vật	
		Năng lượng: Vật lý	

STT	Tên ngành	Lĩnh vực ưu tiên xét tuyển cho học sinh đạt giải trong cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia	Môn ưu tiên xét tuyển cho học sinh đạt giải trong cuộc thi học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố, quốc gia
		Vật lý và Thiên văn Khoa học Trái đất và Môi trường Kỹ thuật môi trường Toán học	
4	Khoa học máy tính	Năng lượng: Vật lý Vật lý và Thiên văn Toán học Hệ thống nhúng Kỹ thuật cơ khí Rô bốt và máy thông minh Phần mềm hệ thống Sinh học trên máy tính và Sinh -Tin	Toán - Anh - Lý - Tin
5	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	Năng lượng: Vật lý Vật lý và Thiên văn Toán học Hệ thống nhúng Kỹ thuật cơ khí Rô bốt và máy thông minh Phần mềm hệ thống Sinh học trên máy tính và Sinh -Tin	Toán - Anh - Lý - Tin
6	Kỹ thuật phần mềm	Năng lượng: Vật lý Vật lý và Thiên văn Toán học Hệ thống nhúng Kỹ thuật cơ khí Rô bốt và máy thông minh Phần mềm hệ thống Sinh học trên máy tính và Sinh -Tin	Toán - Anh - Lý - Tin
7	Hệ thống thông tin	Năng lượng: Vật lý Vật lý và Thiên văn Toán học Hệ thống nhúng Kỹ thuật cơ khí Rô bốt và máy thông minh Phần mềm hệ thống Sinh học trên máy tính và Sinh -Tin	Toán - Anh - Lý - Tin
8	Kỹ thuật điện	Năng lượng: Hóa học Khoa học vật liệu Năng lượng: Vật lý Vật lý và Thiên văn Toán học Hệ thống nhúng Kỹ thuật cơ khí Rô bốt và máy thông minh	Toán - Anh - Lý - Hóa - Tin

STT	Tên ngành	Lĩnh vực ưu tiên xét tuyển cho học sinh đạt giải trong cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia	Môn ưu tiên xét tuyển cho học sinh đạt giải trong cuộc thi học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố, quốc gia
		Phần mềm hệ thống	
9	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Năng lượng: Hóa học	Toán - Anh - Lý - Hóa - Tin
		Khoa học vật liệu	
		Năng lượng: Vật lý	
		Vật lý và Thiên văn	
		Toán học	
		Hệ thống nhúng	
		Kỹ thuật cơ khí	
		Rô bốt và máy thông minh	
		Phần mềm hệ thống	
10	Kỹ thuật điện tử - viễn thông (Chuyên ngành Kỹ thuật thiết kế vi mạch bán dẫn)	Năng lượng: Hóa học	Toán - Anh - Lý - Hóa - Tin
		Khoa học vật liệu	
		Năng lượng: Vật lý	
		Vật lý và Thiên văn	
		Toán học	
		Hệ thống nhúng	
		Kỹ thuật cơ khí	
		Rô bốt và máy thông minh	
		Phần mềm hệ thống	
11	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Năng lượng: Hóa học	Toán - Anh - Lý - Hóa - Tin
		Khoa học vật liệu	
		Năng lượng: Vật lý	
		Vật lý và Thiên văn	
		Toán học	
		Hệ thống nhúng	
		Kỹ thuật cơ khí	
		Rô bốt và máy thông minh	
		Phần mềm hệ thống	
12	Kỹ thuật cơ điện tử	Năng lượng: Hóa học	Toán - Anh - Lý - Hóa - Tin
		Khoa học vật liệu	
		Năng lượng: Vật lý	
		Vật lý và Thiên văn	
		Toán học	
		Hệ thống nhúng	
		Kỹ thuật cơ khí	
		Rô bốt và máy thông minh	
		Phần mềm hệ thống	
13	Dược học	Khoa học động vật	Toán - Anh - Hóa - Sinh
		Hóa Sinh	
		Y Sinh và khoa học Sức khỏe	
		Sinh học tế bào và phân tử	
		Sinh học trên máy tính và Sinh -Tin	
		Vi Sinh	
Khoa học Thực vật			

STT	Tên ngành	Lĩnh vực ưu tiên xét tuyển cho học sinh đạt giải trong cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia	Môn ưu tiên xét tuyển cho học sinh đạt giải trong cuộc thi học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố, quốc gia
		Hóa học Năng lượng: Hóa học Khoa học vật liệu Toán học	
14	Khoa học y sinh	Khoa học động vật Hóa Sinh Y Sinh và khoa học Sức khỏe Sinh học tế bào và phân tử Sinh học trên máy tính và Sinh -Tin Vi Sinh Khoa học Thực vật Hóa học Năng lượng: Hóa học Khoa học vật liệu Toán học	Toán - Anh - Hóa - Sinh
15	Quản lý thể dục thể thao (Chuyên ngành kinh doanh thể thao và tổ chức sự kiện)	Khoa học động vật Hóa Sinh Y Sinh và khoa học Sức khỏe Sinh học tế bào và phân tử Sinh học trên máy tính và Sinh -Tin Vi Sinh Khoa học Thực vật Toán học	Toán - Văn - Anh - Sinh
16	Quản lý thể dục thể thao (Chuyên ngành Golf)	Khoa học động vật Hóa Sinh Y Sinh và khoa học Sức khỏe Sinh học tế bào và phân tử Sinh học trên máy tính và Sinh -Tin Vi Sinh Khoa học Thực vật Toán học	Toán - Văn - Anh - Sinh
17	Quản lý thể dục thể thao (Chuyên ngành Truyền thông và tiếp thị thể thao)	Khoa học động vật Hóa Sinh Y Sinh và khoa học Sức khỏe Sinh học tế bào và phân tử Sinh học trên máy tính và Sinh -Tin Vi Sinh Khoa học Thực vật Toán học	Toán - Văn - Anh - Sinh
18	Công nghệ sinh học	Khoa học động vật Hóa Sinh Y Sinh và khoa học Sức khỏe Sinh học tế bào và phân tử Sinh học trên máy tính và Sinh -Tin	Toán - Anh - Lý - Hóa - Sinh

STT	Tên ngành	Lĩnh vực ưu tiên xét tuyển cho học sinh đạt giải trong cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia	Môn ưu tiên xét tuyển cho học sinh đạt giải trong cuộc thi học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố, quốc gia
		Vi Sinh Khoa học Thực vật Hóa học Năng lượng: Hóa học Khoa học vật liệu Khoa học Trái đất và Môi trường Kỹ thuật môi trường Toán học	
19	Kỹ thuật hóa học	Khoa học động vật Hóa Sinh Y Sinh và khoa học Sức khỏe Sinh học tế bào và phân tử Sinh học trên máy tính và Sinh -Tin Vi Sinh Khoa học Thực vật Hóa học Năng lượng: Hóa học Khoa học vật liệu Khoa học Trái đất và Môi trường Kỹ thuật môi trường Toán học	Toán - Anh - Lý - Hóa - Sinh
20	Kế toán	Toán học	Toán - Anh
21	Kiểm toán (Chuyên ngành Kiểm toán và Phân tích dữ liệu)	Toán học	Toán - Anh
22	Kỹ thuật xây dựng	Hóa học Khoa học Trái đất và Môi trường Năng lượng: Hóa học Kỹ thuật cơ khí Kỹ thuật môi trường Khoa học vật liệu Năng lượng: Vật lý Vật lý và Thiên văn Toán học	Toán - Anh - Lý - Hóa
23	Kiến trúc	Toán học Khoa học Trái đất và Môi trường Năng lượng: Vật lý Kỹ thuật cơ khí Kỹ thuật môi trường Vật lý và Thiên văn	Toán - Văn - Anh - Lý
24	Kiến trúc đô thị	Toán học Khoa học Trái đất và Môi trường Năng lượng: Vật lý Kỹ thuật cơ khí Kỹ thuật môi trường	Toán - Văn - Anh - Lý

STT	Tên ngành	Lĩnh vực ưu tiên xét tuyển cho học sinh đạt giải trong cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia	Môn ưu tiên xét tuyển cho học sinh đạt giải trong cuộc thi học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố, quốc gia
		Vật lý và Thiên văn	
25	Quy hoạch vùng và đô thị	Toán học	Toán - Văn - Anh - Lý - Hóa
		Năng lượng: Vật lý	
		Khoa học Trái đất và Môi trường	
		Kỹ thuật cơ khí	
		Kỹ thuật môi trường	
		Vật lý và Thiên văn	
		Hóa học	
		Năng lượng: Hóa học	
		Khoa học vật liệu	
26	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Hóa học	Toán - Anh - Lý - Hóa
		Năng lượng: Hóa học	
		Khoa học Trái đất và Môi trường	
		Kỹ thuật cơ khí	
		Kỹ thuật môi trường	
		Khoa học vật liệu	
		Năng lượng: Vật lý	
		Vật lý và Thiên văn	
		Toán học	
27	Quan hệ lao động	Toán học	Toán - Văn - Anh
		Khoa học xã hội và hành vi	
28	Luật	Khoa học xã hội và hành vi	Toán - Văn - Anh - Sử
		Toán học	
29	Thiết kế đồ họa	Toán học	Toán - Văn - Anh
30	Thiết kế thời trang	Toán học	Toán - Văn - Anh
31	Thiết kế nội thất	Toán học	Toán - Văn - Anh
32	Nghệ thuật số	Toán học	Toán - Văn - Anh
33	Ngôn ngữ Anh	Khoa học xã hội và hành vi	Văn - Anh
34	Ngôn ngữ Trung Quốc	Khoa học xã hội và hành vi	Văn - Anh - Trung
35	Quản trị nhân lực	Toán học	Toán - Văn - Anh
		Khoa học xã hội và hành vi	
36	Marketing	Toán học	Toán - Văn - Anh
37	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành Quản trị nhà hàng - khách sạn)	Toán học	Toán - Văn - Anh
38	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành Quản trị Chuỗi cung ứng)	Toán học	Toán - Văn - Anh
39	Kinh doanh quốc tế	Toán học	Toán - Văn - Anh
40	Tài chính - Ngân hàng	Toán học	Toán - Anh
41	Tài chính - Ngân hàng (Chuyên ngành Tài chính quốc tế)	Toán học	Toán - Anh
42	Công nghệ tài chính	Toán học	Toán - Anh
43	Toán ứng dụng	Năng lượng: Vật lý	Toán - Anh - Lý - Tin

STT	Tên ngành	Lĩnh vực ưu tiên xét tuyển cho học sinh đạt giải trong cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia	Môn ưu tiên xét tuyển cho học sinh đạt giải trong cuộc thi học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố, quốc gia
		Vật lý và Thiên văn Toán học Hệ thống nhúng Kỹ thuật cơ khí Rô bốt và máy thông minh Phần mềm hệ thống Sinh học trên máy tính và Sinh -Tin	
44	Thống kê	Năng lượng: Vật lý Vật lý và Thiên văn Toán học Hệ thống nhúng Kỹ thuật cơ khí Rô bốt và máy thông minh Phần mềm hệ thống Sinh học trên máy tính và Sinh -Tin	Toán - Anh - Lý - Tin
45	Khoa học dữ liệu	Năng lượng: Vật lý Vật lý và Thiên văn Toán học Hệ thống nhúng Kỹ thuật cơ khí Rô bốt và máy thông minh Phần mềm hệ thống Sinh học trên máy tính và Sinh -Tin	Toán - Anh - Lý - Tin
46	Du lịch (Chuyên ngành Quản lý du lịch)	Khoa học xã hội và hành vi	Văn - Anh - Sử - Địa
47	Du lịch (Chuyên ngành Hướng dẫn du lịch)	Khoa học xã hội và hành vi	Văn - Anh - Sử - Địa
48	Xã hội học	Khoa học xã hội và hành vi	Văn - Anh - Sử - Địa
49	Công tác xã hội	Khoa học xã hội và hành vi	Văn - Anh - Sử - Địa
50	Quan hệ quốc tế	Khoa học xã hội và hành vi	Văn - Anh - Sử - Địa
51	Quản lý xây dựng	Hóa học Năng lượng: Hóa học Khoa học Trái đất và Môi trường Kỹ thuật cơ khí Kỹ thuật môi trường Khoa học vật liệu Năng lượng: Vật lý Vật lý và Thiên văn Toán học	Toán - Anh - Lý - Hóa